



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG
HẬU**

-----o0o-----

Số: 08.2021/HHA/CV

(V/v CBTT định kỳ: Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường
niên năm tài chính 2021)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

TP.HCM, ngày 16 tháng 12 năm 2020

**Kính gửi: - Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội;
- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.**

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu
2. Mã chứng khoán: SJ1
3. Địa chỉ liên lạc: 1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, Tp. HCM
4. Điện thoại: 028. 3974 1135 – 028. 3974 1136 Fax: 028. 3974 1280
5. Email: info@hungchau.vn
6. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Từ Thanh Phụng – Tổng Giám đốc
7. Nội dung công bố thông tin: **Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2021.**
8. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ thông tin trên: www.agri.hungchau.vn

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

*** Tài liệu đính kèm:**

- Tài liệu họp ĐHĐCĐ 2021;

Người thực hiện CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TỪ THANH PHỤNG

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI

- ▶ 8g00 - 8g30: Cổ đông làm thủ tục đăng ký dự Đại hội.
- ▶ 8g30 - 9g00: Khai mạc, giới thiệu đại biểu.
- ▶ 9g00 - 10g00: Thảo luận và thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng Cổ đông.
- ▶ 10g00 - 10g45: Biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình.
Bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025.
- ▶ 10g45 - 11g00: Giải lao.
- ▶ 11g00 - 11g30:
 - Hỏi & đáp.
 - Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.
 - Bế mạc Đại hội.

* Thành phần, điều kiện tham dự, tài liệu phục vụ Đại hội:

1. Cổ đông sở hữu cổ phiếu SJ1 theo danh sách chốt ngày 08/12/2020 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD).
2. Khi đến tham dự, quý Cổ đông vui lòng mang theo thư mời, giấy ủy quyền (nếu được ủy quyền tham dự), thẻ Căn cước công dân, giấy CMND hoặc Hộ chiếu.
3. Để công tác tổ chức và đón tiếp được chu đáo, quý Cổ đông vui lòng xác nhận tham dự Đại hội qua điện thoại/ gửi thư/ email hoặc fax giấy ủy quyền (nếu ủy quyền cho người khác) tham dự Đại hội trước 16 giờ 00, ngày 23/12/2020 theo địa chỉ ghi phía trên thư mời.
4. Toàn bộ tài liệu phục vụ Đại hội, quý Cổ đông có thể đến nhận tại Trụ sở Công ty hoặc tải từ website: www.agri.hunghau.vn (chuyên mục Quan hệ cổ đông) từ ngày 16/12/2020. Ngoài ra bộ tài liệu sẽ cung cấp trực tiếp cho quý Cổ đông tại Đại hội.



Thư mời

THAM DỰ ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2021

Mã chứng khoán: SJ1

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Trụ sở: 1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, TP. HCM

Điện thoại: (028) 3974 1135 / Fax: (028) 3974 1280

Website: www.agri.hunghau.vn / Email: info@hunghau.vn

THƯ MỜI

Căn cứ vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu,
Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính mời:

Ông/Bà:

Mã số CĐ:

Số lượng cổ phiếu:

Đến dự Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm tài chính 2021 của
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

Vào lúc : 8 giờ 00, thứ Bảy, ngày 26/12/2020

Tại : Khách sạn New World.

Địa chỉ : 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM.

Rất mong Quý Ông/Bà sắp xếp thời gian đến tham dự đúng giờ để
Đại hội đạt kết quả.

Trân trọng!



PHẠM THỊ MINH NGUYỆT

Ghi chú:

Nếu Ông/Bà không thể tham dự được có thể ủy quyền cho người khác dự thay
bằng cách điền thông tin vào trang kế bên.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2021

Kính gửi: - Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2021;
- HĐQT Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

Tên cá nhân/Tổ chức:

Địa chỉ:

Căn cước công dân/CMND/Hộ chiếu/GĐKKD số:

Ngày cấp: nơi cấp:

Số cổ phần sở hữu: cổ phần.

Nay Tôi ủy quyền cho: (*)

1/ Bà Phạm Thị Minh Nguyệt - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty

2/ Ông Từ Thanh Phụng - Tổng giám đốc Công ty

3/ Ông/Bà:

Căn cước công dân/CMND số:

Ngày cấp: nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Số điện thoại liên lạc:

Đại diện Tôi tham dự và biểu quyết toàn bộ các vấn đề nêu trong phiên họp
Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2021 của Công ty Cổ phần
Nông nghiệp Hùng Hậu được tổ chức vào ngày 26/12/2020 tại Khách sạn
New World - 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM.

....., ngày tháng năm 2020

Người nhận ủy quyền

(ký và ghi rõ họ tên)

Người ủy quyền

(ký và ghi rõ họ tên,
đồng dấu nếu là tổ chức)

Ghi chú:

- (*): Chỉ được phép ủy quyền cho một người.

- Người nhận ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.

- Khi đến dự họp, người được ủy quyền phải xuất trình Giấy ủy quyền này
cùng với Căn cước công dân/CMND/Hộ chiếu của mình.



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Trụ sở : 1004A Âu Cơ, P.Phú Trung, Q.Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.28) 3974 1135 / Fax : (84.28) 3974 1280

Website : www.agri.hunghau.vn / Email: info@hunghau.vn

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 2020

THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2021

Kính gửi: Quý Cổ đông

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu trân trọng thông báo và kính mời quý Cổ đông đến dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2021 như sau:

1. Thời gian: 8 giờ 00, thứ Bảy, ngày 26 tháng 12 năm 2020.

2. Địa điểm: Khách sạn New World – Số 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nội dung: Đại hội thảo luận và thông qua các vấn đề:

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương hướng kế hoạch năm 2021.
- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020.
- Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020.
- Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.
- Thù lao, thưởng HĐQT, Thư ký HĐQT năm 2021.
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
- Số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025 và thực hiện bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025.
- Ứng cử viên thành viên HĐQT bầu bổ sung nhiệm kỳ 2020-2025.
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ (nếu có).

4. Thành phần, điều kiện tham dự:

- Cổ đông có tên theo danh sách do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh Tp.HCM chốt vào ngày đăng ký cuối cùng 08/12/2020.
- Khi đến tham dự, quý Cổ đông vui lòng mang theo thư mời, giấy ủy quyền (nếu được ủy quyền tham dự), Căn cước công dân, giấy CMND hoặc Hộ chiếu.
- Để công tác tổ chức và đón tiếp được chu đáo, quý Cổ đông vui lòng xác nhận tham dự Đại hội qua điện thoại/ gửi thư/ email hoặc fax giấy ủy quyền (nếu ủy quyền cho người khác) tham dự Đại hội trước 16 giờ 00, ngày 23/12/2020 theo địa chỉ ghi phía trên thông báo.
- Thông báo này thay thư mời trong trường hợp Quý cổ đông chưa nhận được thư mời họp.





CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Trụ sở : 1004A Âu Cơ, P.Phú Trung, Q.Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.28) 3974 1135 / Fax : (84.28) 3974 1280

Website : www.agri.hunghau.vn / Email: Info@hunghau.vn

5. Tài liệu phục vụ Đại hội:

- Toàn bộ tài liệu phục vụ Đại hội, quý Cổ đông có thể đến nhận tại Trụ sở Công ty hoặc tải từ website <http://agri.hunghau.vn/vi/quan-he-co-dong/> từ ngày 16/12/2020.
- Toàn bộ tài liệu phục vụ Đại hội sẽ cung cấp trực tiếp cho quý Cổ đông tại Đại hội.

Rất hân hạnh đón tiếp quý Cổ đông.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



PHẠM THỊ MINH NGUYỆT



Handwritten signature

CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU



Địa điểm: Khách sạn New World

Địa chỉ: Số 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Thời gian: Bắt đầu lúc 08h00, ngày 26/12/2020 (thứ Bảy)

Thời gian	Nội dung
	A. THỦ TỤC KHAI MỤC ĐẠI HỘI
8h00 – 8h30	Đón tiếp Quý đại biểu, Cổ đông, khách mời; Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự và phát tài liệu họp.
8h30 – 9h00	Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự; Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông; Thông qua và giới thiệu: + Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; + Danh sách Đoàn Chủ tịch, Thư ký đoàn và Ban kiểm phiếu;
	B. NỘI DUNG CHÍNH
9h00 – 10h45	1. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và kế hoạch năm 2021 2. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và định hướng kế hoạch năm 2021 3. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 5. Trình Đại hội thông qua: - Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020 - Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 - Thù lao, thưởng HĐQT, Thư ký HĐQT năm 2021 - Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty - Số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025 và thực hiện bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 - Ứng cử viên thành viên HĐQT bầu bổ sung nhiệm kỳ 2020-2025 - Một số vấn đề khác thuộc thẩm quyền ĐHDCT 6. Biểu quyết các vấn đề trình Đại hội 7. Bầu cử bổ sung Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025 - Thông qua Quy chế đề cử, bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 - 2025. - Thực hiện Bầu cử bổ sung Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025.
10h45 – 11h00	C. GIẢI LAO
	D. CÔNG BỐ KẾT QUẢ VÀ HỎI ĐÁP
11h00 – 11h20	Hỏi và Đáp. Ban Kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết các vấn đề tại Đại hội; công bố kết quả bầu cử.
	E. KẾT THÚC ĐẠI HỘI
11h20 – 11h30	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội năm tài chính 2021; Tuyên bố bế mạc Đại hội.



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 16 tháng 12 năm 2020

QUY CHẾ LÀM VIỆC

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp hiện hành;
- Căn cứ Quy chế hoạt động Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu,

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm tài chính 2021 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu, đồng thời hướng dẫn cho cổ đông tham gia Đại hội và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền, Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2021 xin báo cáo ĐHĐCĐ thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

ĐIỀU 1. CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐHĐCĐ

1. Cổ đông sở hữu cổ phiếu SJ1 theo danh sách chốt ngày 08/12/2020 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam hoặc người được ủy quyền có quyền tham dự Đại hội.
2. Cổ đông hoặc người được ủy quyền phải có mặt tại Đại hội đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội; ngồi đúng khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định.
3. Trong thời gian diễn ra Đại hội, các Cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội.
4. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người thứ ba tham dự Đại hội.
5. Không hút thuốc lá trong khán phòng Đại hội.
6. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Điện thoại di động để ở chế độ rung, không chuông.

ĐIỀU 2. ĐOÀN CHỦ TỊCH

1. Đoàn Chủ tịch gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 02 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch Đoàn và là người Chủ tọa ĐHĐCĐ. Đoàn chủ tịch điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà Hội đồng quản trị (HĐQT) đã dự kiến thông qua trước Đại hội.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 1280



2. Nhiệm vụ của Đoàn chủ tịch:
 - a. Điều hành các hoạt động của ĐHĐCĐ Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua.
 - b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình.
 - c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.
 - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
 - e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
3. Nguyên tắc làm việc của Đoàn chủ tịch: Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

ĐIỀU 3. BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI

1. Ban thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Đoàn chủ tịch giới thiệu, Đại hội biểu quyết tin nhiệm. Ban thư ký chịu trách nhiệm trước Đoàn chủ tịch, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn chủ tịch.
2. Nhiệm vụ của Ban thư ký:
 - a. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội vào Biên bản họp.
 - b. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

ĐIỀU 4. BAN THẨM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

1. Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 05 người, bao gồm 01 Trưởng ban và 04 thành viên, do Đoàn chủ tịch giới thiệu, Đại hội biểu quyết tin nhiệm, chịu trách nhiệm trước Đoàn chủ tịch, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình.
2. Nhiệm vụ của Ban thẩm tra tư cách cổ đông:
 - a. Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
 - b. Trưởng ban thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo với ĐHĐCĐ tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp ĐHĐCĐ Công ty được tiến hành.

ĐIỀU 5. BAN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT VÀ BẦU CỬ

1. Ban kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử của Đại hội gồm 05 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 04 thành viên do Đoàn chủ tịch giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tin nhiệm, chịu trách nhiệm trước Đoàn chủ tịch, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử:
 - a. Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội.
 - b. Nhanh chóng thông báo chính xác kết quả biểu quyết cho Ban thư ký.



- c. Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết/ bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết/ bầu cử.

ĐIỀU 6. THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc:
 - a. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung ĐHĐCĐ.
 - b. Ban thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tịch.
 - c. Cổ đông khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, Đoàn chủ tịch sẽ mời phát biểu. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.
2. Giải đáp ý kiến của các cổ đông:
 - a. Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi hoặc câu hỏi trực tiếp của cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến cổ đông.
 - b. Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

ĐIỀU 7. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.
2. Thẻ biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông tại Đại hội (kèm theo bộ tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ). Mỗi cổ đông được cấp 01 thẻ biểu quyết (màu vàng) để biểu quyết cho các nội dung: Quy chế đại hội, Chương trình làm việc đại hội, Đoàn chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Thẩm tra tư cách cổ đông, Ban Kiểm phiếu biểu quyết... Trên thẻ biểu quyết có ghi rõ mã số biểu quyết, họ tên, số cổ phần sở hữu của cổ đông đó.
3. Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông tại Đại hội (kèm theo bộ tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ). Mỗi cổ đông được cấp 01 phiếu biểu quyết (màu trắng) trên đó có tất cả các nội dung trong báo cáo, tờ trình cần biểu quyết tại Đại hội. Trên phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số biểu quyết của cổ đông đó.
4. Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông tại Đại hội (kèm theo bộ tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ). Mỗi cổ đông được cấp 01 phiếu bầu cử (màu xanh) để bầu cử thành viên Hội đồng quản trị. Trên phiếu bầu cử có ghi rõ mã số bầu cử của cổ đông đó.

Handwritten signature

2047
ÔNG T
Ổ PHẢ
G NGH
NG H
-TR H



5. Các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội:
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
 - Việc tổ chức lại, giải thể Công ty.
6. Ngoài các trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 7, các trường hợp còn lại sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội.

ĐIỀU 8. BIÊN BẢN, NGHỊ QUYẾT HỌP ĐHĐCĐ

Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được Ban thư ký đọc và ĐHĐCĐ thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

ĐIỀU 9. THI HÀNH QUY CHẾ

Cổ đông, người được ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu. Cổ đông vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.



PHẠM THỊ MINH NGUYỆT



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 16 tháng 12 năm 2020

**QUY CHẾ ĐỂ CỬ, BẦU CỬ BỔ SUNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Nhiệm kỳ 2020 – 2025)**

- *Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại khóa XIII, kỳ họp thứ 8 ngày 26/11/2014;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.*

Ban Kiểm phiếu Đại hội công bố Quy chế để cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu như sau:

I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

II. Chủ tọa tại Đại hội

Chủ tọa tại Đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử bổ sung với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách để cử bổ sung vào thành viên Hội đồng quản trị.
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử bổ sung (nếu có).

III. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn làm thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT bổ sung : 01 người
2. Nhiệm kỳ : 2020 – 2025
3. Số lượng ứng viên HĐQT tối đa : Không hạn chế
4. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị (*Theo khoản 1 Điều 151 của Luật Doanh nghiệp 2014*):
 - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định pháp luật;

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 1280





- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
5. Tiêu chuẩn thành viên độc lập Hội đồng quản trị (Theo khoản 2 Điều 151 của Luật Doanh nghiệp 2014):
- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
 - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
 - Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
 - Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch Hội đồng quản trị.

IV. Nguyên tắc bầu cử bổ sung

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được đại hội thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử bổ sung vào Hội đồng quản trị.

V. Qui định đề cử thành viên Hội đồng quản trị (Theo Khoản 2 Điều 33 Điều lệ Công ty)

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng (tính tới thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2020) có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên thành viên HĐQT.

Số lượng ứng viên mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử thực hiện như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;

320
CỔ
ĐÔNG
HỮU
V PHỤ



- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% được đề cử năm (05) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% được đề cử tám (08) ứng viên trở lên.

Trường hợp số lượng các ứng viên thành viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

VI. Hồ sơ tham gia đề cử bổ sung để bầu vào HĐQT

1. Hồ sơ đề cử bổ sung vào HĐQT

(Mẫu biểu được đăng tải trên website của Công ty theo địa chỉ: <http://agri.hunghau.vn>)

- Giấy đề nghị đề cử (ứng cử) bổ sung tham gia HĐQT (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch ứng viên (theo mẫu);
- Bản chứng thực các giấy tờ trong thời hạn 06 tháng các giấy tờ sau: CMND/ Hộ chiếu/ Thẻ căn cước/ Hộ khẩu thường trú (nếu có) hoặc Giấy Đăng ký doanh nghiệp (đối với tổ chức);
- Bản chứng thực các giấy tờ trong thời hạn 06 tháng các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có);
- Giấy tờ xác nhận tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông/ nhóm cổ đông đáp ứng điều kiện đề cử theo Quy chế này quy định;

Người đề cử bổ sung vào HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

Các mẫu trên được đăng tải trên website <http://agri.hunghau.vn> (Mục: Quan Hệ Cổ Đông, từ ngày 16 tháng 12 năm 2020.

2. Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ đề cử

Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội, các ứng viên vui lòng gửi hồ sơ về trước 16h00 ngày 23/12/2020 theo địa chỉ sau:

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

Địa chỉ: 1004A Âu Cơ, P.Phú Trung, Q.Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.28) 3974 1135

Fax: (84.28) 3974 1280

Liên hệ: Ms. Cao Trịnh Thị Thúy Vy – email: Vycttt@hunghau.vn



Nếu trong trường hợp các ứng cử viên được các nhóm cổ đông đề cử ngay tại Đại hội, vui lòng gửi hồ sơ đề cử về cho Thư ký Đại hội trước khi tiến hành bầu cử.

VII. Danh sách ứng cử viên

- Dựa vào Hồ sơ đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, Thư ký Đại hội sẽ lập Danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu vào HĐQT.
- Danh sách ứng cử viên HĐQT được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

VIII. Phương thức bầu cử:

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (*Theo Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty*).
- Các thành viên HĐQT được Đại hội đồng cổ đông bầu theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- Phiếu bầu sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.

IX. Phiếu bầu cử

1. Nội dung của Phiếu bầu cử

- Phiếu bầu cử (phiếu bầu) là phiếu có ghi mã số bầu cử, số cổ phần sở hữu và/ hoặc đại diện, có đóng dấu treo Công ty.
- Mỗi đại biểu sẽ được phát một (01) Phiếu bầu Hội đồng quản trị. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.

2. Cách ghi Phiếu bầu cử

Mỗi đại biểu được phát một (01) phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

- Danh sách ứng cử viên HĐQT được xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu. Phiếu bầu HĐQT có màu xanh.
- Mỗi cổ đông, người được ủy quyền được phát một (01) tờ phiếu bầu HĐQT với tổng số phiếu bầu HĐQT bằng số cổ phần sở hữu và/ hoặc số cổ phần được ủy quyền nhân với 1.
- Cổ đông, người được ủy quyền khi được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại số cổ phần, tổng số phiếu bầu ghi trên phiếu bầu nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu;
- Trên mỗi tờ phiếu bầu, cổ đông được lựa chọn tối đa một (01) ứng cử viên HĐQT.



- Cổ đông bầu HĐQT bằng cách điền số phiếu bầu tương ứng cho từng ứng cử viên HĐQT sao cho tổng số phiếu bầu HĐQT trên mỗi tờ phiếu bầu không lớn hơn số cổ phần sở hữu hoặc số cổ phần được ủy quyền nhân với 1.
- Trường hợp cổ đông phân phối đều số phiếu bầu cho các ứng viên, Cổ đông không cần điền số phiếu bầu mà chỉ cần đánh dấu "X" vào cột "Số phiếu biểu quyết" tương ứng với tên cổ đông được chọn.

3. Tính hợp lệ và không hợp lệ của phiếu bầu cử

- Phiếu bầu hợp lệ: Phiếu bầu do Ban tổ chức phát hành, được in sẵn, có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu; Trên mỗi phiếu bầu có ghi số cổ phần sở hữu và tổng số phiếu bầu tương ứng của mỗi cổ đông, đại diện cổ đông.
- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:
 - + Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
 - + Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì;
 - + Gạch tên các ứng cử viên;
 - + Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của Công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;
 - + Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên trúng cử;
 - + Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
 - + Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu;
 - + Không có chữ ký của đại biểu tham dự.

4. Bỏ phiếu và Kiểm phiếu

- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, cổ đông có thể liên hệ với Ban bầu cử để xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ. Việc đổi lại phiếu bầu mới do nhầm lẫn chỉ được chấp thuận trước khi Ban bầu cử công bố kết quả kiểm phiếu bầu cử.
- Đại biểu bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu đã được niêm phong do Ban kiểm phiếu giám sát.
- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban kiểm soát hoặc đại diện cổ đông.
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ tọa giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).
- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định.

5. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên (Theo Điều 20 Điều lệ Công ty)

- Ứng cử viên trúng cử vào HĐQT là một (01) ứng cử viên HĐQT có số phiếu bầu cao nhất, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

39-
Y
N
HIỆP
IẬU
IỘ C



- Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.
- Trong trường hợp số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội.
- Trong trường hợp không lựa chọn được số thành viên HĐQT theo Điều lệ do có nhiều ứng cử viên có số phiếu bầu cao ngang nhau thì sẽ tổ chức bầu lại riêng các ứng cử viên có số phiếu ngang nhau để chọn người có số phiếu cao hơn.
- Nếu việc bầu lại vẫn chưa đạt được kết quả, ĐHĐCĐ có thể biểu quyết để khuyết thành viên HĐQT và bầu bổ sung trong kỳ họp ĐHĐCĐ tiếp theo.

X. Hiệu lực thi hành

Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Quy chế này sẽ hết hiệu lực khi Đại Hội Cổ Đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kết thúc.

Trên đây là toàn bộ quy chế ứng cử, đề cử bổ sung thành viên để bầu vào Hội đồng quản trị của Công ty nhiệm kỳ (2020 – 2025) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHẠM THỊ MINH NGUYỆT



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU**
---o0o---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----oOo-----

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH 2020 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH 2021

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH 2020

1. Các chỉ tiêu cơ bản

CHỈ TIÊU	ĐVT	TH năm 2019 và TH năm 2020		Kế hoạch năm 2020(01/10/2019-30/09/2020)	So sánh	
		Thực hiện (01/10/2018-30/09/2019)	Thực hiện (01/10/2019-30/09/2020)		% tăng trưởng TH 2020/ TH 2019	TH 2020/ KH 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	1.110.644	1.071.125	1.100.000	(4%)	(3%)
2. Giá vốn hàng bán	"	1.014.713	969.880		(4%)	
3. Lợi nhuận gộp bán hàng & cung cấp dịch vụ	"	95.932	101.245		+6%	
4. Doanh thu hoạt động tài chính	"	5.903	3.353		(43%)	
5. Chi phí tài chính	"	39.155	41.202		+5%	
6. Chi phí bán hàng	"	12.429	20.832		+68%	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	"	19.191	19.305		+1%	
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	"	31.059	23.058		(26%)	
9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	"	31.355	23.714	33.000	(24%)	(28%)

- Tổng doanh thu trong năm 2020 đạt 1.071.125.045.061 đồng giảm 4% so với cùng kỳ năm 2019.
- Tổng lợi nhuận trước thuế trong năm 2020 đạt 23.713.789.936 đồng, giảm 24% so với cùng kỳ năm 2019.

2. Kết quả các mặt công tác

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 128

A member of HungHau



2.1. Công tác sản xuất

- Công ty liên tục duy trì và nâng cao hiệu quả của Hệ thống quản lý chất lượng ISO, BRC, HALA, HACCP... nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường về chất lượng sản phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng.
- Chất lượng sản phẩm là tiêu chí hàng đầu mà Công ty đặc biệt quan tâm. Vì thế, các sản phẩm đều được kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng trước khi xuất xưởng; đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát và nhắc nhở người lao động thực hiện đúng những quy định trong sản xuất. Tất cả công nhân viên trực tiếp sản xuất đều được kiểm tra, khám sức khỏe định kỳ hàng năm theo quy định ngành.
- Tình trạng thiếu hụt lao động của ngành hiện nay rất phổ biến, để khắc phục tình trạng thiếu hụt lao động, Công ty đã tăng cường cải tiến quy trình sản xuất, đầu tư vào máy móc thiết bị duy trì và ổn định sản lượng sản xuất hàng giá trị gia tăng.
- Đã đầu tư 01 lò chiên tự động công suất 250kg/h cho line hàng chiên hấp tại Nhà máy số 1-KCN Tân Phú Trung và dự kiến sẽ đầu tư thêm 01 lò chiên tại Nhà máy số 3-KCN Sa Đéc nhằm tăng sản lượng sản xuất line chiên để giải quyết các đơn hàng tẩm bột chiên.
- Đã đầu tư thêm 01 lò trung, máy vắt ly tâm, máy hàn hút chân không, máy trộn nhân lạnh tại line hàng GTGT - Nhà máy Số 3 ; thay mới toàn bộ hệ thống dàn lạnh tại Nhà máy số 1.
- Tăng cường đẩy mạnh sản xuất hàng GTGT tại Nhà máy Số 3 – CN Sa Đéc, khai thác đội ngũ lao động địa phương nhằm bổ trợ thiếu hụt công nhân, đáp ứng sản xuất các đơn hàng kịp thời cho Nhà máy Số 1 – KCN Tân Phú Trung.
- Sắp xếp, bố trí máy móc thiết bị phục vụ sản xuất hợp lý và ca làm việc phù hợp để tăng năng suất lao động, khai thác tối đa công suất của máy móc thiết bị.
- Linh hoạt trong việc xây dựng và áp dụng đơn giá sản xuất phù hợp nhằm tạo động lực làm việc, phát huy năng lực làm việc của công nhân.
- Sản lượng sản xuất các mặt hàng GTGT chủ lực tại Nhà máy Số 3 – CN Sa Đéc đạt 60 tấn/tháng với các dòng sản phẩm như: Chà giò, Chà viên, Viên khoai lang phô mai, các mặt hàng tẩm bột...
- Sản lượng sản xuất line Thủy sản tại Nhà máy Số 3 – CN Sa Đéc đạt 500 tấn thành phẩm/tháng.
- Tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện các quy trình sản xuất để công nhân tuyển dụng mới hiểu biết, nắm bắt, nâng cao ý thức, kỷ luật về vệ sinh công nghiệp trong dây chuyền chế biến.
- Hoạt động sản xuất tại các Nhà máy ổn định, máy móc thiết bị được bảo trì bảo dưỡng tốt nên không có tình trạng hư hỏng khi đang sản xuất.



- Đáp ứng đầy đủ các báo cáo, hồ sơ, biểu mẫu, phiếu kiểm nghiệm theo quy định của các Cơ quan chức năng, cũng như theo yêu cầu của khách hàng, nhu cầu của thị trường (Xuất khẩu và Nội địa).
- Thực hiện tuyên truyền phòng ngừa COVID-19 đến các Nhà máy nhằm ổn định công tác sản xuất.

2.2. Công tác kinh doanh.

- Đội ngũ Sales được phân bổ chi tiêu, chăm sóc khách hàng chu đáo, luôn đáp ứng nhanh nhu cầu khách hàng, cập nhật thông tin các giao dịch thường xuyên với khách hàng.
- Tiếp tục xây dựng, duy trì hệ thống quảng bá thương hiệu và tiếp cận thị trường thế giới thông qua các website.
- Xây dựng lại các chính sách bán hàng; định biên nhân sự, chế độ lương thưởng cho sales nhằm kích thích bán hàng.
- Thường xuyên khảo sát, tìm hiểu thị trường, tích cực khai thác thêm khách hàng và thị trường mới. Trong năm 2020 đã phát triển bán hàng được 17 khách hàng mới và 05 thị trường mới là: Bangladesh, Belarus, Romania, Uk, Ukraine.
- Thị trường nội địa, triển khai chào hàng một số sản phẩm mới, kết hợp khai thác một số sản phẩm thương mại vào các kênh nhà hàng, khách sạn, chuỗi thức ăn nhanh. Đồng thời, kết hợp đơn vị Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu mở rộng thị trường, phát triển mạng lưới hệ thống các siêu thị trên toàn quốc.
- Trong gia đoạn COVID-19 Công ty đã linh hoạt điều chỉnh chính sách bán hàng, phân tích ưu nhược điểm khách hàng hiện hữu và khách hàng mới để có lượng khách hàng phù hợp với xu thế hiện nay.
- Phát triển, đẩy mạnh thêm hàng nguyên liệu nhập khẩu đối với Tôm, nhằm tìm nguồn cung cấp với giá cạnh tranh tốt hơn trong nước.

2.3. Công tác mua hàng

- Tổng lượng hàng hóa mua vào phục vụ cho sản xuất kinh doanh đáp ứng khoảng 97% nhu cầu của sản xuất, 3% còn lại chưa đạt như kỳ vọng do một số nguyên liệu chính như cá lười trâu, ghe, sò điệp... còn phụ thuộc vào nguồn đánh bắt, mùa vụ, không dự báo được số lượng theo tháng/quý, gây bị động trong việc đáp ứng nhu cầu đúng hạn, ảnh hưởng giá thành và tính cạnh tranh trong giá bán. Thêm vào đó, hiện nay các đối thủ cạnh tranh có sự dịch chuyển từ mặt hàng thủy sản sang mặt hàng GTGT nên mức độ cạnh tranh về nguồn nguyên liệu đang tăng cao.
- Giá các mặt hàng nguyên liệu chính như tôm, bạch tuộc có xu hướng tăng do khan hiếm, thất mùa và dịch bệnh COVID-19, giá thị trường hiện tại tăng nhẹ so với thời điểm đầu năm 2019 từ 5 – 7%. Công ty đã duy trì và đẩy mạnh việc nhập khẩu Tôm nguyên liệu từ nước ngoài, tạo được nguồn cung với giá cạnh tranh hơn và giải quyết được phần nào tình hình khó khăn chung do sự thiếu hụt nguyên liệu từ thị trường trong nước.



2.4. Công tác Tài chính kế toán:

- Thực hiện quản lý vốn chặt chẽ, lập kế hoạch dòng tiền, chủ động sắp xếp các nguồn tài chính đáp ứng đầy đủ kịp thời việc thu chi đảm bảo cho các hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh.
- Kiểm soát tốt công nợ phải thu của khách hàng, không phát sinh nợ quá hạn, nợ khó đòi. Đảm bảo tối đa việc chi lương và các chế độ phụ cấp cho CB-CNV đúng hạn.
- Quản lý tốt hàng tồn kho, kiểm soát tốt chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, nguồn vốn, hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Công tác chi trả cổ tức trong năm thực hiện 11%/vốn đều lệ (trong đó 6% bằng tiền mặt và 5% bằng cổ phiếu).
- Hoàn thành báo cáo tài chính tháng/ quý/ năm đúng hạn, thực hiện và tuân thủ các quy định, chế độ, chính sách của Nhà nước.

2.5. Công tác nhân sự, lao động, tiền lương và chính sách chế độ:

- Tìm kiếm thêm nhà cung ứng lao động, cung cấp được lao động công khoán cho nhà máy.
- Theo Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 thì mức lương tối thiểu vùng I được Nhà nước điều chỉnh tăng từ 4.180.000 đồng lên 4.420.000 đồng (tăng 5%) có hiệu lực từ 01/01/2020, làm tăng chi phí đóng BHXH, BHYT, BHTN.
- Trước tình hình kinh tế khó khăn, lực lượng lao động chưa đáp ứng đủ, Công ty cũng đã cố gắng thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, thể hiện sự quan tâm cao nhất đến lợi ích của người lao động để CB - CNV yên tâm làm việc và gắn bó lâu dài với Công ty.
- Những chính sách chế độ Công ty đã thực hiện như sau:
 - Trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, chi trợ cấp ốm đau, thai sản đầy đủ đúng quy định.
 - Đảm bảo giải quyết đầy đủ tiền lương và các khoản thu nhập khác (thường ngày lễ, tết...) theo quy định trong Thỏa ước LĐTT.
 - Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.
 - Tổ chức bữa ăn cho CB-CNV luôn đảm bảo "Đủ lượng, đủ chất và an toàn vệ sinh thực phẩm".
 - Thực hiện bổ sung chính sách thưởng hiệu quả kinh doanh và gia tăng hiệu suất theo kết quả đánh giá KPIs hàng tháng nhằm đảm bảo tăng thêm thu nhập cho người lao động.

2.6. Nhiệm vụ của Công ty đại chúng đã niêm yết

Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ công bố thông tin theo quy định đối với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như: Công bố thông tin định kỳ Báo cáo tài chính 2019 đã kiểm toán, Báo cáo tình hình quản trị 2019, Báo cáo thường niên 2019, Báo cáo tài chính quý 1, quý 2, quý 3, quý 4/2020, công bố thông tin bất thường, v.v...



II. KẾ HOẠCH NĂM TÀI CHÍNH 2021

1. Chi tiêu Kế hoạch, Kinh doanh:

Chi tiêu	ĐVT	NĂM 2021
Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.200.000
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	33.000

- Đẩy mạnh phát triển thêm các sản phẩm thuộc thương hiệu Happy Food ra thị trường tiêu thụ nội địa (qua các kênh phân phối hiện đại), tăng cường quảng bá sản phẩm trên các phương tiện truyền thông đại chúng.
- Mở rộng hoạt động kinh doanh các sản phẩm thương mại như nguyên liệu nông sản dùng sản xuất thức ăn thủy sản.
- Đẩy mạnh phát triển khách hàng ở thị trường Singapore đối với mặt hàng thủy sản và GTGT bằng hình thức thành lập văn phòng đại diện.
- Tăng cường tham gia các hội chợ liên quan đến các mặt hàng nông thủy sản đông lạnh, hàng GTGT tại EU, Nhật Bản, Hàn Quốc vào thời gian tới. Khảo sát và tiếp cận nhanh chóng thêm thị trường mục tiêu tiếp theo, trong đó ưu tiên thị trường Mỹ, Anh.
- Tập trung khai thác thị trường hiện có, đặc biệt chú trọng thị trường ngách có chất lượng cao, giá mua cao.
- Tăng cường liên kết các khách hàng có hệ thống phân phối lớn, tiếp tục đưa thương hiệu HungHau ra nước ngoài bằng cách thể hiện logo HungHau trên các bao bì xuất khẩu.
- Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thương mại, kết hợp với các khách hàng nước ngoài sẵn có thiết lập mối quan hệ mua bán song phương, nhập khẩu các sản phẩm hoàn toàn từ thiên nhiên, an toàn cho sức khỏe, đạt chất lượng cao và phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng Việt Nam sẽ là hướng phát triển có tiềm năng cho Công ty trong thời gian tới.
- Chủ động dự trữ một số mặt hàng có giá cả tốt dựa vào nhu cầu dự báo của khách hàng.
- Tăng cường tìm kiếm và nhập khẩu các nguyên liệu chính như mực, bạch tuộc...phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng của thị trường EU, thị trường Nhật, giảm thiểu tối đa áp lực về giá cả do tình hình nguyên liệu trong nước.
- Liên kết vùng nguyên liệu tôm trong nước để tối ưu hóa nguồn liệu đầu vào cho các sản phẩm GTGT và liên kết công ty cung cấp cấp thức ăn thủy sản – Hùng Hậu – Hộ nuôi tạo nguồn đầu vào ổn định đẩy mạnh doanh thu cho mặt hàng thủy sản.

2. Công tác sản xuất

- Nhanh chóng hoàn thiện đầu tư máy chiên băng tải công suất 250kg/h tại Nhà máy Số 3- KCN Sadec.



- Xây dựng Nhà máy H.H.C 03 tầng tại khu đất kế Nhà máy số 3 có ít nhất 1 dây chuyền sản xuất bán tự động (Bắt đầu xây dựng từ tháng 01/2021, hoàn thành và đi vào sản xuất tháng 08/2021).
- Xây dựng nhà xưởng mở rộng sản xuất tại khu đất C2-1 (Khởi công xây dựng vào đầu tháng 03/2021 đưa vào sử dụng từ tháng 09/2021).
- Hoàn thành xây dựng dự án 624 Âu Cơ (vướng thủ tục pháp lý, xin bỏ mục tiêu này).
- Đầu tư dây chuyền tẩm bột tăng sản lượng sản xuất lên 30%/tổng sản lượng (Đặt mua vào tháng 12/2020 – Bắt đầu đưa vào sử dụng từ tháng 03/2021).
- Thực hiện nghiên cứu phát triển 03 dòng sản phẩm (02 dòng Ready to cook, 01 dòng To Kid, Fast food) theo công thức riêng của HungHau.
- Nghiên cứu cải tiến các sản phẩm đạt chất lượng cao và giá cả hợp lý, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.
- Kiểm soát tốt từ nguồn nguyên liệu cung ứng đầu vào đến sản phẩm đầu ra đạt tiêu chuẩn kháng sinh, vi sinh.

3. Hành chính Nhân sự:

- Tăng cường tuyển dụng đội ngũ sales chuyên nghiệp có kinh nghiệm trong ngành.
- Tăng cường hoạt động tuyển dụng nhân sự như: liên kết với các công ty giới thiệu việc làm tại các vùng/ địa phương lân cận hỗ trợ tuyển dụng lao động, kết hợp quảng bá thông tin tuyển dụng và chính sách đãi ngộ của công ty đến người lao động địa phương.
- Tiếp tục cập nhật, điều chỉnh mức đóng bảo hiểm theo quy định Pháp luật hiện hành.
- Điều chỉnh đơn giá tiền lương, tăng tối thiểu 7% lương sản phẩm cho khối CNSX để thu hút và nâng cao năng suất làm việc của người lao động.
- Liên kết với các tổ chức giáo dục trực thuộc HungHau Holdings tổ chức các khóa đào tạo vừa học vừa làm, tạo điều kiện cho người lao động có cơ hội nâng cao kiến thức, thay đổi môi trường làm việc, có thu nhập tốt hơn.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chính sách đãi ngộ như hỗ trợ tiền thuê nhà trọ, hỗ trợ tiền giữ con nhỏ dưới 07 tuổi cho NLĐ yên tâm sản xuất & gắn bó lâu dài. Các phúc lợi, đãi ngộ khác, nhằm thu hút và giữ chân người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU



TU THANH PHỤNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 128

A member of HungHau



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01.2021/BC-HĐQT

TP. HCM, ngày 16 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM TÀI CHÍNH 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH NĂM TÀI CHÍNH 2021

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu trân trọng Báo cáo hoạt động năm tài chính 2020 và định hướng kế hoạch năm tài chính 2021 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 như sau:

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM TÀI CHÍNH 2020

Trong những tháng gần đây, dù nền kinh tế thế giới và Việt Nam bắt đầu có những dấu hiệu phục hồi thì tình trạng suy giảm sâu vẫn chưa thật sự cân bằng trở lại. Theo báo cáo của Cục Quản lý Đăng ký Kinh doanh, liên tục ghi nhận số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh hoặc chờ giải thể tăng đột biến so với cùng kỳ năm 2019. Tính riêng tháng 9/2020, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 3.269 doanh nghiệp (*tăng 114,9% so với cùng kỳ năm 2019*), số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể là 4.097 doanh nghiệp (*tăng 50,8% so với cùng kỳ năm 2019*). Trong 9 tháng đầu năm 2020, có 38.629 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn (*tăng 81,8% so với cùng kỳ năm 2019, cao hơn gấp 3,7 lần so với mức tăng trung bình 21,9% giai đoạn 2015-2019*); trung bình mỗi tháng có 8.701 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường (*tăng 27,2% so với trung bình 9 tháng năm 2019*).

Trong lĩnh vực kinh doanh xuất khẩu thủy sản, từ tháng 6/2020 đã có những dấu hiệu tăng trưởng tích cực, tuy nhiên theo thống kê sơ bộ của Tổng Cục Hải Quan, tính đến tháng 9/2020 thì tổng giá trị xuất khẩu chỉ đạt 6.035.143.760 USD (*giảm 3% so với cùng kỳ 9 tháng đầu năm 2019*).

Trong 03 tháng cuối năm 2020, trước tình trạng bùng phát đợt 3 của dịch bệnh trên thế giới cùng tình trạng ngập mặn, lũ lụt diễn ra trong nước thì việc tăng trưởng kinh tế nói chung và trong các lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản là chưa thể khẳng định.

1.1 Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty

a. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, tài chính

- Tổng doanh thu đạt 1.071.125.045.061 đồng, bằng 97% kế hoạch năm 2020 và bằng 96% so với năm 2019.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 23.713.789.936 tỷ đồng, bằng 72% kế hoạch năm 2020 và bằng 76% so với năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 128

A member of HungHau



- Tổng tài sản tại ngày 30/9/2020 đạt 966.505.240.694 đồng, tăng 03% so với cùng thời điểm của năm 2019.
- Tài sản ngắn hạn tại ngày 30/9/2020 đạt 655.945.777.880 đồng, tăng 09% so với cùng thời điểm của năm 2019.
- Tài sản dài hạn tại ngày 30/9/2020 đạt 310.559.462.814 đồng, giảm 9% so với cùng thời điểm của năm 2019.
- Vốn chủ sở hữu tại ngày 30/9/2020 đạt 291.930.928.843 đồng, tăng 2% so với cùng thời điểm của năm 2019.

b. Tăng vốn điều lệ:

Hoàn thành việc tăng vốn cổ phần thông qua phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức nên vốn điều lệ được tăng từ 211.012.440.000 đồng thành 221.560.600.000 đồng.

c. Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực:

- Thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ về bảo hiểm, tiền lương, tiền thưởng và các phúc lợi theo quy định của Nhà nước và Công ty.
- Đảm bảo sản xuất ổn định để duy trì việc làm cho lao động trong tình hình dịch bệnh.
- Bổ sung các chức danh quản lý, điều hành nhằm khuyến khích phát triển nhân lực cũng như tăng cường công tác giám sát và thúc đẩy hoạt động của Công ty.
- Duy trì chế độ thưởng hàng tháng theo kết quả kinh doanh.

d. Sản xuất:

- Tiếp tục đầu tư cải tiến máy móc thiết bị để nâng cao sản xuất các mặt hàng GTGT tại Nhà máy số 3 – HAF và nhà máy số 1 - HA1, qua đó đáp ứng được nhu cầu thị trường và khách hàng.
- Tình hình chế biến mặt hàng thủy sản tại Nhà máy số 3 – HAF cũng duy trì ổn định và đảm bảo cho các đơn hàng xuất khẩu.
- Thực hiện tốt công tác phòng ngừa Covid-19 tại các nhà máy để đảm bảo sản xuất liên tục, đáp ứng nhu cầu kinh doanh và giải quyết việc làm cho công nhân.
- Công tác quản lý chất lượng sản phẩm được duy trì và phát huy tốt thông qua việc vận hành các hệ thống quản lý chất lượng ISO, BRC, HACCP, HALAL để kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng, đảm bảo sản phẩm đạt chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng và đáp ứng nhu cầu thị trường.

1.2 Đánh giá tình hình hoạt động và thu lao HĐQT năm tài chính 2020



Hội đồng Quản trị Công ty đã triển khai các hoạt động theo quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật hiện hành. Trong năm tài chính 2020, HĐQT đã tổ chức 10 cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản.

Các cuộc họp, thủ tục lấy ý kiến bằng văn bản được chuẩn bị chu đáo, các nội dung sát với tình hình kinh tế xã hội như: giải pháp sản xuất kinh doanh, công tác quản trị và hỗ trợ nhân sự trong tình hình dịch bệnh, chiến lược thúc đẩy xuất khẩu,.... Các nghị quyết hoặc các quyết định của HĐQT đều được các thành viên thống nhất 100%, đảm bảo phù hợp với chủ trương chính sách của Nhà nước, nhờ đó ổn định hoạt động và tận dụng cơ hội phát triển. Cụ thể:

- Thông qua thời gian dự kiến chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp, thời gian dự kiến tổ chức, kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020.
- Điều chỉnh nội dung tài liệu họp ĐHĐCĐ 2020
- Bổ nhiệm thành viên các tiểu ban trực thuộc HĐQT
- Bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Phương Như giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty.
- Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Dol giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty.
- Thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để trả cổ tức; triển khai thực hiện phương án phát hành.
- Thông qua người đại diện theo ủy quyền để quản lý toàn bộ vốn góp của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu tại Công ty TNHH Thực phẩm Hùng Hậu.
- Thông qua việc sửa đổi Điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, đăng ký chứng khoán bổ sung với VSD và niêm yết bổ sung với HNX.

1.3 Báo cáo hoạt động của các tiểu ban trực thuộc HĐQT

1.3.1 Tiểu ban Kiểm toán

a. Các công tác đã thực hiện năm 2020

- Tổ chức các cuộc họp định kỳ để thẩm định báo cáo tài chính từng quý.
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp về tổng kết hoạt động kinh doanh hàng quý của Ban Tổng Giám đốc.
- Giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc, đặc biệt là quy định về công bố thông tin.

b. Đánh giá các chỉ tiêu tài chính

Trên cơ sở kết quả hoạt động của Công ty năm 2020, tiểu ban Kiểm toán có đánh giá các chỉ tiêu tài chính như sau:



Chi tiêu	Đơn vị tính	Ngày 30/9/2020	Ngày 01/10/2019
1. Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán tổng quát	Lần	1,43	1,44
Hệ số thanh toán hiện thời	Lần	1,11	1,12
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,67	0,73
2. Tỷ suất sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH		8,12%	10,92%
3. Cơ cấu tài sản - nguồn vốn			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	67,87%	63,67%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	32,13%	36,33%
Nợ phải trả ngắn hạn/Tổng nguồn vốn	%	61,37%	56,70%
Nợ dài hạn + Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	38,63%	43,30%

Như vậy,

- Hệ số thanh toán nợ hiện thời tại ngày 30/09/2020 là 1,11 lần >1, Công ty đảm bảo khả năng thanh toán, đủ khả năng thanh toán nợ đến hạn.
- Số dư nợ ngắn hạn tại ngày 30/09/2020 là 593 tỷ đồng, so với số dư tài sản ngắn hạn là 655 tỷ đồng, cho thấy Công ty duy trì được khả năng thanh toán ngắn hạn đồng thời duy trì được khả năng kinh doanh.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu năm 2020 là 8.12% thấp hơn năm 2019 là 10.92% nguyên nhân do vốn góp của chủ sở hữu tăng 10.548 triệu đồng, lợi nhuận trước thuế năm 2020 chỉ bằng 76% năm 2019.
- Tại ngày 30/09/2020 hệ số tài sản dài hạn/ tổng tài sản là 32,13%, hệ số nguồn vốn thường xuyên là 38,63%, điều này chứng tỏ tài sản dài hạn được tài trợ toàn bộ bằng nguồn vốn thường xuyên.

1.3.2 Tiểu ban Chiến lược

Các công tác đã thực hiện năm 2020:

- Tham mưu cho HĐQT trong việc đề ra các giải pháp thực hiện mục tiêu, chiến lược kinh doanh của Công ty và giải pháp phòng chống, ứng phó dịch Covid-19 đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, như:
 - ✓ Phân tích các yếu tố về tình hình biến động kinh tế thế giới, đặc biệt trong viễn cảnh đại dịch Covid-19 để đề xuất HĐQT chiến lược bán hàng, cơ cấu mặt hàng sản xuất sao cho phù hợp với thị trường và hiệu quả nhất.



- ✓ Phân tích hệ thống phân phối thị trường trong và ngoài nước, từ đó đề xuất chiến lược, chính sách kinh doanh phù hợp theo phân khúc khách hàng.
- Đánh giá quy mô năng lực sản xuất các nhà máy, kho vận và góp ý để xuất cải tiến quy trình kỹ thuật công nghệ, đầu tư trang thiết bị, dây chuyền sản xuất tại nhà máy HA1 và HAF. Tham mưu các phương án đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, xác định công năng, quy mô xây dựng các nhà máy mới (khu đất H.H.C Khu Công nghiệp Sa Đéc, Đồng Tháp và C2-1 Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, TP. HCM).
- Tham mưu cho HĐQT trong việc lập kế hoạch ngân sách, chương trình hành động, mục tiêu nghị quyết năm tài chính 2021; Định hướng chiến lược phát triển kinh doanh trung và dài hạn, giai đoạn 2021-2025, 2025 – 2030.

1.3.3 Tiểu ban nhân sự - lương thưởng

- Thực hiện các công tác tham mưu:
 - ✓ Phê duyệt Sơ đồ tổ chức Công ty áp dụng cho năm tài chính 2020 và phương án nhân sự quản lý, điều hành.
 - ✓ Ban hành Quy định tính thu nhập cho nhân sự kinh doanh.
 - ✓ Giải pháp nhân sự trong dịch Covid-19, đảm bảo tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động trong bối cảnh khó khăn chung.
 - ✓ Soát xét gói thù lao HĐQT năm 2020 và đề xuất thù lao năm 2021.
- Giám sát các hoạt động:
 - ✓ Thực hiện Quy định tính thu nhập cho nhân sự kinh doanh.
 - ✓ Tính tuân thủ các chính sách lương, thưởng; tuyển dụng, đào tạo và bổ nhiệm cán bộ quản lý, điều hành cấp cao của Công ty.
 - ✓ Hoạt động hoạch định và phát triển nhân sự kế thừa.

1.4 Đánh giá kết quả giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc:

HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, giải pháp khắc phục khó khăn và tận dụng cơ hội trong năm tài chính 2020.

Trong quá trình điều hành, Ban Tổng Giám đốc luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, sáng tạo, đồng thời thường xuyên báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT, với những công việc:

- Thực hiện quy định của Pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT để triển khai các giải pháp cần thiết trong công tác quản trị doanh nghiệp.
- Tình hình tài chính được kiểm soát hiệu quả.
- Vốn Chủ sở hữu bảo toàn và phát triển năm sau cao hơn năm trước.



- Thực hiện quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về công bố thông tin chính xác, minh bạch, giúp cho các nhà đầu tư hiểu rõ về Công ty.
- Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống nhà xưởng, máy móc thiết bị đúng quy định, nhanh chóng và tiết kiệm, đáp ứng tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đổi mới, sắp xếp đội ngũ cán bộ chủ chốt của Công ty; thực hiện tốt các chính sách tiền lương, cải thiện điều kiện làm việc, điều kiện ăn ở, sinh hoạt và chế độ phúc lợi cho người lao động, qua đó đảm bảo việc làm và đời sống ổn định cho người lao động.

1.5 Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên:

STT	NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ 2020	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
1	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (5%)	Đã hoàn thành 100%.
2	Chi trả cổ tức bằng tiền mặt (6%)	Đã hoàn thành 100%.
3	Chào bán cổ phiếu ra công chúng	Chưa hoàn thành.
4	Thay đổi cơ cấu quản trị kiểm soát Công ty	Thay đổi từ mô hình Ban Kiểm soát sang mô hình các Tiểu ban trực thuộc HĐQT.
5	Thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT	Đã hoàn thành thành lập và bổ nhiệm nhân sự: <ul style="list-style-type: none">▪ Tiểu ban Kiểm toán.▪ Tiểu ban Chiến lược.▪ Tiểu ban Nhân sự - Lương thưởng.
6	Chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2019.	Công ty kiểm toán được chọn là Công ty TNHH Tư vấn TCKT và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).
7	Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát: 3% LNST.	Thực hiện thù lao HĐQT, Ban kiểm soát 3% LNST.
8	Đầu tư vào Dự án Cụm công nghiệp An Hào	Đang thực hiện

Trước những diễn biến khó khăn của xã hội, HĐQT đã nỗ lực để hoàn thành 6/8 mục tiêu Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Trong đó,

- Để bảo tồn giá trị cổ phiếu trước tình hình biến động chung, mục tiêu Chào bán cổ phiếu ra công chúng chưa thể thực hiện được.



- Mục tiêu Đầu tư vào Dự án Cụm công nghiệp An Hào với thời hạn hoạt động của dự án là tháng 09/2021. Hiện đã thực hiện các bước tiến độ sau:
 - ✓ Đã được UBND tỉnh Long An chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 3612/QĐ-UBND ngày 09/10/2018;
 - ✓ Đã ký Hợp đồng số 225/TTDV-HĐĐĐ ngày 27/5/2019 với Trung tâm Phát triển quỹ đất và dịch vụ tài nguyên môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An về trích đo địa chính, đo vẽ chi tiết bản đồ; hiện đã hoàn thành nội dung Hợp đồng được ký;
 - ✓ Đã ký Hợp đồng số 06/HĐQH-2020 ngày 19/3/2020 với Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết Kế Long An để lập đồ án quy hoạch 1/500;

2 Phương hướng kế hoạch năm tài chính 2021:

2.1 Các chỉ tiêu cơ bản:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm tài chính 2020
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.200.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	33.000
3	Cổ tức dự kiến	%/ năm	10%

2.2 Các giải pháp thực hiện:

- Đẩy mạnh phát triển thị trường nội địa và nguyên liệu nông sản dùng sản xuất thức ăn thủy sản.
- Xây dựng Nhà máy H.H.C ba tầng tại khu đất kế Nhà máy số 3 có ít nhất 1 dây chuyền sản xuất bán tự động.
- Xây dựng nhà xưởng mở rộng sản xuất tại khu đất C2-1.
- Hoàn thành xây dựng dự án 624 Âu Cơ.
- Tiếp tục đầu tư hiện đại hóa máy móc thiết bị tại các Nhà máy để nâng cao năng suất sản xuất và hạn chế phụ thuộc lao động.
- Ổn định nguồn nguyên liệu đầu vào thông qua việc tiếp tục tìm kiếm nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ nước ngoài; đồng thời xây dựng chuỗi liên kết từ Nhà cung cấp – Nhà sản xuất – Khách hàng để kiểm soát chất lượng nguồn gốc sản phẩm và nâng cao giá trị sản phẩm đầu ra.
- Tăng cường công tác kiểm soát rủi ro, quản trị công ty, cải tiến kỹ thuật, tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin, hệ thống ERP để nâng cao năng suất làm việc, cập nhật số liệu sản xuất kinh doanh một cách kịp thời, qua đó góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm đồng thời hỗ trợ Ban Giám đốc kịp thời trong các quyết định sản xuất kinh doanh.



- Tiếp tục triển khai chiến lược tăng năng lực tài chính và mở rộng quy mô hoạt động. Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục tìm kiếm, lựa chọn đối tác chiến lược về tài chính để hỗ trợ, bổ sung cho nguồn vốn lưu động và phục vụ công tác đầu tư – xây dựng cơ bản.
- Xây dựng và áp dụng các chương trình tiết giảm chi phí sản xuất, bán hàng và quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Điều chỉnh đơn giá lương theo sản phẩm và tăng mức thu nhập theo hiệu quả cho toàn thể CBNV, dựa trên cơ sở đánh giá hiệu suất làm việc khoa học và định lượng.
- Tiếp tục nâng cao đời sống và thu nhập cho người lao động để người lao động an tâm cống hiến, gắn bó.

3 PHÂN KẾT LUẬN

Trên cơ sở kết quả đã đạt được trong năm vừa qua, cùng với định hướng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh trong giai đoạn tới, Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu đã thực hiện cơ bản kế hoạch mục tiêu đặt ra và đảm bảo đầy đủ lợi ích cho cổ đông.

Hội đồng quản trị tin tưởng rằng Ban Tổng Giám đốc và tập thể CBNV của Công ty với tinh thần đoàn kết, quyết tâm mạnh mẽ sẽ vượt qua được trở ngại khách quan và nắm bắt cơ hội, vững vàng trong năm tài chính 2021.

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu năm tài chính 2020 và phương hướng hoạt động kế hoạch năm tài chính 2021. Chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp chân thành của quý cổ đông để giúp cho hoạt động của HĐQT ngày càng tốt hơn.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT Công ty;
- Ban TGD Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHẠM THỊ MINH NGUYỆT



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU**

-----o0o-----

Số: 29.2020/HHA/CV-CBTT

(V/v CBTT định kỳ: BCTC Hợp nhất Năm tài
chính 2020 đã được kiểm toán)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

TP.HCM, ngày 16 tháng 12 năm 2020

**Kính gửi: - Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội;
- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.**

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.**
2. Mã chứng khoán: SJ1.
3. Địa chỉ liên lạc: 1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, Tp. HCM.
4. Điện thoại: 028. 6290 3333 Fax: 028. 6261 6666
5. Email: info@hunghau.vn.
6. Người thực hiện công bố thông tin: **Ông Từ Thanh Phụng – Tổng Giám Đốc.**
7. Nội dung công bố thông tin:
 - 7.1. Báo cáo tài chính hợp nhất Năm tài chính 2020 (01/10/2019 – 30/09/2020) của Công Ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu được lập ngày 07/12/2019 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC đã được Công ty TNHH dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt kiểm toán ngày 10/12/2020.
 - 7.2. Nội dung giải trình:
 - 7.2.1. Giải trình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất Năm tài chính 2020 giảm so với cùng kỳ Năm tài chính 2019:
 - Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Năm tài chính 2019 giảm 26% so với cùng kỳ Năm tài chính 2019 là do:
 - + Ảnh hưởng của dịch Covid19;
 - + Doanh thu giảm 4%.
 - 7.2.2. Giải trình BCTC hợp nhất Quý 4/2020 so với BCTC hợp nhất Năm tài chính 2020.
8. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ thông tin trên: **www.agri.hunghau.vn.**

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

Người thực hiện CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TỪ THANH PHỤNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬUSố: **45.2020/CV-HHA**

---oOo---

V/v: giải trình kết quả hoạt động SXKD hợp nhất năm tài chính 2020 giảm so với cùng kỳ năm tài chính 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

---oOo---

TP.HCM, ngày 11 tháng 12 năm 2020

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty xin giải trình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất năm tài chính 2020 giảm so với cùng kỳ năm tài chính 2019 như sau:

Bảng tổng hợp các chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019 (từ 01/10/2018 đến 30/09/2019)	Năm 2020 (từ 01/10/2019 đến 30/09/2020)	% tăng, giảm
I/ Sản lượng SX-TT				
1. Sản lượng sản xuất	Tấn	3,402	3,422	1%
2. Sản lượng tiêu thụ	Tấn	3,303	3,303	0%
II/ Doanh thu - Lợi nhuận				
1. Doanh thu thuần	Triệu đồng	1,110,644	1,071,125	-4%
2. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	25,120	18,695	-26%
III/ Các chỉ tiêu tài chính cơ bản				
1. Các khoản phải thu ngắn hạn	Triệu đồng	352,252	360,777	2%
2. Hàng tồn kho	Triệu đồng	208,385	261,284	25%
3. Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	534,145	593,097	11%

* Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm tài chính 2020 giảm 26% so với cùng kỳ năm tài chính 2019 là do :

- _ Do ảnh hưởng dịch Covid 19
- _ Doanh thu giảm 4%

Trên đây là phần giải trình biến động về KQKD giữa hai kỳ báo cáo của Công Ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- _ Như trên
- _ Lưu TV

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU**Từ Thanh Phụng**

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

SỐ: 47.2020/CV-HHA

V/v: giải trình BCTC hợp nhất quý 4/2020 so với BCKT hợp nhất năm 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Tp.HCM, ngày 11 tháng 12 năm 2020

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty xin giải trình Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4/2020 so với Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2020 như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Báo cáo lũy kế quý 4/2020	Báo cáo kiểm toán năm 2020	Chênh lệch	Lý do
NGUỒN VỐN				
Nợ phải trả				
Phải trả người bán ngắn hạn khác	93,584,048,304	112,614,355,804	19,030,307,500	Phân loại lại khoản tiền phải trả dài hạn từ dài hạn sang ngắn hạn
Phải trả người bán dài hạn khác	19,030,307,500		(19,030,307,500)	Phân loại lại khoản tiền phải trả dài hạn từ dài hạn sang ngắn hạn
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	13,106,101,628	13,265,721,388	159,619,760	Điều chỉnh tăng do tính lại số thuế phải nộp
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	441,039,106,088	441,300,299,828	261,193,740	Trình bày lại khoản vay dài hạn đến hạn trả sang ngắn hạn
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	69,884,026,244	69,622,832,504	(261,193,740)	Trình bày lại khoản vay dài hạn đến hạn trả sang ngắn hạn
Vốn chủ sở hữu			-	
LNST chưa phân phối kỳ này	18,854,443,642	18,694,823,882	(159,619,760)	Điều chỉnh giảm do tính lại số thuế phải nộp
Tổng cộng nguồn vốn	655,498,033,406	655,498,033,406	-	



KẾT QUẢ KINH DOANH

Chỉ tiêu	Báo cáo lũy kế quý 4/2020	Báo cáo kiểm toán năm 2020	Chênh lệch	Lý do
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.064,548,118,356	1,071,875,813,356	7,327,695,000	- Điều chỉnh tăng doanh thu từ dịch vụ xuất khẩu - Điều chỉnh tăng doanh thu từ thu nhập khác chuyển sang
Giá vốn hàng bán	970,553,852,116	969,879,977,728	(673,874,388)	- Điều chỉnh giảm chi phí lãi vay công trình xây dựng đã hoàn công đưa vào sử dụng - Điều chỉnh giảm chi phí tiền lương từ giá vốn hàng bán sang chi phí quản lý
Chi phí tài chính	41,201,786,550	41,402,780,166	200,993,616	- Điều chỉnh tăng chi phí lãi vay của công trình xây dựng đã hoàn công đưa vào sử dụng
Chi phí quản lý doanh nghiệp	18,832,117,580	19,304,998,352	472,880,772	- Điều chỉnh tăng chi phí tiền lương từ giá vốn hàng bán sang chi phí quản lý
Thu nhập khác	34,858,196,476	1,183,780,379	(33,674,416,097)	- Điều chỉnh giảm thu nhập khác từ dịch vụ xuất khẩu - Điều chỉnh bù trừ thu nhập khác và chi phí khác từ thanh lý tài sản
Chi phí khác	26,874,531,599	527,810,502	(26,346,721,097)	- Điều chỉnh bù trừ thu nhập khác và chi phí khác từ thanh lý tài sản
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4,859,346,294	5,018,966,054	159,619,760	- Điều chỉnh tăng do tính lại số thuế phải nộp
Lợi nhuận sau thuế TNDN	18,854,443,642	18,694,823,882	(159,619,760)	- Điều chỉnh giảm do tính lại số thuế phải nộp

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU



TỪ THANH PHỤNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU**

**Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2020
đã được kiểm toán**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**

**Địa chỉ ĐKKD: 29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Tel: 028. 3910 4881
Địa chỉ giao dịch: 26 Nguyễn Huy Tự, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Tel: 028. 3910 4881/ 3820 6881 - Fax: 028. 3820 6881**

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 – 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	09 – 34

10/1/2011



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2020.

Khái quát

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ Công ty Cổ phần Thủy sản số 1) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302047389, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 7 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 14 tháng 8 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
-

Trụ sở chính của Công ty tại số 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Trần Văn Hậu	Chủ tịch	Hết nhiệm kỳ từ ngày 28/12/2019
Bà Phạm Thị Minh Nguyệt	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28/12/2019
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Phó Chủ tịch	Hết nhiệm kỳ từ ngày 28/12/2019
Ông Trần Thanh Hương	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28/12/2019
Ông Từ Thanh Phụng	Thành viên	
Bà Huỳnh Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/12/2019
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên	
Ông Trần Thanh Hương	Thành viên	Hết nhiệm kỳ từ ngày 28/12/2019
Ông Võ Minh Khang	Thành viên	Hết nhiệm kỳ từ ngày 28/12/2019
Bà Đinh Thị Bích Hà	Thành viên	Hết nhiệm kỳ từ ngày 28/12/2019
Ông Ngô Đức Dũng	Thành viên	Hết nhiệm kỳ từ ngày 28/12/2019

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Từ Thanh Phụng	Tổng Giám đốc	
Ông Tống Văn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Huỳnh Thanh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Phương Như	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/04/2020
Ông Nguyễn Văn Dol	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/05/2020
Bà Nguyễn Minh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Hết nhiệm kỳ từ ngày 28/10/2019

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2020.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 12 năm 2020

Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch

Phạm Thị Minh Nguyệt

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Từ Thanh Phụng

Số: 08-2/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu và công ty con, được lập ngày 7 tháng 12 năm 2020, từ trang 5 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu và công ty con tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1559-2018-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2020

Kiểm toán viên



Nguyễn Văn Tình

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3919-2017-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		655.945.777.880	599.736.314.694
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.232.799.481	8.757.555.529
1. Tiền	111		3.232.799.481	8.757.555.529
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24.130.305.000	22.425.918.329
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	24.130.305.000	22.425.918.329
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		360.777.052.460	352.252.496.086
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	352.478.650.227	334.265.473.366
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.621.841.640	15.487.234.910
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	3.676.560.593	2.499.787.810
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	261.283.644.204	208.384.965.347
1. Hàng tồn kho	141		261.283.644.204	208.384.965.347
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.521.976.735	7.915.379.403
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1.812.148.715	1.280.884.582
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.709.828.020	6.634.494.821
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		310.559.462.814	342.252.023.996
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.384.950.040	7.001.402.204
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	6.384.950.040	7.001.402.204
II. Tài sản cố định	220		242.120.704.152	253.364.371.858
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	121.756.673.991	128.341.852.210
- Nguyên giá	222		204.671.864.164	200.679.416.698
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(82.915.190.173)	(72.337.564.488)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	25.039.140.442	28.465.786.798
- Nguyên giá	225		38.186.047.767	38.186.047.767
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(13.146.907.325)	(9.720.260.969)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	95.324.889.719	96.556.732.850
- Nguyên giá	228		102.281.820.014	102.281.820.014
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.956.930.295)	(5.725.087.164)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.062.154.722	19.823.120.850
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	5.062.154.722	19.823.120.850
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		34.475.500.000	32.475.500.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	900.000.000	900.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	31.325.500.000	31.325.500.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	2.250.000.000	250.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		22.516.153.900	29.587.629.084
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	22.516.153.900	29.587.629.084
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		966.505.240.694	941.988.338.690

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		674.574.311.851	654.836.069.112
I. Nợ ngắn hạn	310		593.096.704.347	534.145.321.513
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	112.614.355.804	93.501.928.947
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.715.036.938	1.912.558.991
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	13.265.721.388	7.556.142.520
4. Phải trả người lao động	314		10.277.919.449	11.236.594.493
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		43.956.008	99.234.019
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	-	1.372.800.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	12.879.376.624	5.312.872.170
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	441.300.299.828	413.108.400.551
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		38.308	44.789.822
II. Nợ dài hạn	330		81.477.607.504	120.690.747.599
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	-	19.030.307.500
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	11.854.775.000	11.854.775.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	69.622.832.504	89.805.665.099
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		291.930.928.843	287.152.269.578
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	291.930.928.843	287.152.269.578
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		221.560.600.000	211.012.440.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		221.560.600.000	211.012.440.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		46.428.827.960	46.428.827.960
3. Cổ phiếu quỹ	415		(10.100.000)	(10.100.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.011.297.455	4.508.887.768
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.940.303.428	25.212.213.850
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		245.479.546	91.729.505
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.694.823.882	25.120.484.345
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		966.505.240.694	941.988.338.690

Người lập biểu / Kế toán trưởng



Phạm Thị Bích Như

Ngày 7 tháng 12 năm 2020



Tổng Giám đốc
Tư Thành Phụng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.071.875.813.356	1.110.978.346.446
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	750.768.295	334.283.599
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	1.071.125.045.061	1.110.644.062.847
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	969.879.977.728	1.014.712.530.647
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		101.245.067.333	95.931.532.200
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	3.352.964.131	5.903.065.233
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	41.402.780.166	39.154.985.506
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		39.320.953.678	37.891.153.113
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7a	20.832.432.887	12.429.255.610
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7b	19.304.998.352	19.191.333.443
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.057.820.059	31.059.022.874
12. Thu nhập khác	31	VI.8	1.183.780.379	1.115.557.284
13. Chi phí khác	32	VI.9	527.810.502	818.773.227
14. Lợi nhuận khác	40		655.969.877	296.784.057
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.713.789.936	31.355.806.931
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	5.018.966.054	6.235.322.586
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		18.694.823.882	25.120.484.345
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		18.694.823.882	25.120.484.345
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	71	VI.11	802	1.077

Người lập biểu / Kế toán trưởng



Phạm Thị Bích Như

Ngày 7 tháng 12 năm 2020



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	23.713.789.936	31.355.806.931
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	16.051.466.520	16.970.594.579
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	616.285.052	(7.727.905)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.456.877.701)	(5.210.360.567)
- Chi phí lãi vay	06	39.320.953.678	37.891.153.113
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	78.245.617.485	80.999.466.151
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	3.623.199.257	26.274.214.162
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(52.898.678.857)	(21.059.392.198)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	6.928.698.975	(32.246.922.004)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	6.540.211.051	1.753.455.673
- Tiền lãi vay đã trả	14	(39.320.953.678)	(37.891.153.113)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(500.000.000)	(11.124.756.283)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.300.775.731)	(1.247.773.594)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.317.318.502	5.457.138.794
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(3.652.799.410)	(14.514.114.824)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	90.909.091	26.812.226.406
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.704.386.671)	(2.675.918.329)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(20.510.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4.230.000.000	
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	1.380.307.868	1.356.352.776
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.655.969.122)	(9.531.453.971)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.024.143.710.932	982.763.699.694
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.009.736.229.244)	(953.735.639.828)
3. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	(6.911.331.308)	(9.905.428.193)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.659.605.700)	(11.948.147.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.163.455.320)	7.174.483.873
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(5.502.105.940)	3.100.168.696
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	8.757.555.529	5.655.648.463
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(22.650.108)	1.738.370
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	3.232.799.481	8.757.555.529

Người lập biểu / Kế toán trưởng



Phạm Thị Bích Như

Ngày 7 tháng 12 năm 2020



Từ Thanh Phụng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ Công ty Cổ phần Thủy sản số 1) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302047389, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 7 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 14 tháng 8 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
-

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Trong năm, Công ty không có thay đổi bất thường gì về đặc điểm hoạt động kinh doanh.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách Công ty con và Công ty liên kết được hợp nhất:

Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ vốn thực góp	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
<u>Công ty con:</u>				
Công ty TNHH Ngư nghiệp Hùng Hậu	65%	100%	Lô C, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp	Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
<u>Công ty liên kết:</u>				
Công ty TNHH Kho lạnh Gió Bắc	30%	30%	Lô CV-2, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ 01/10 năm trước và kết thúc vào ngày 30/09 của năm nay.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong các báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính của công ty con được lập cho cùng năm tài chính của công ty, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của công ty.

Các công ty liên doanh, liên kết

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các công ty liên doanh là các đơn vị có các hoạt động mà Công ty có quyền đồng kiểm soát, được thành lập theo thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí hoàn toàn về các quyết định tài chính và hoạt động chiến lược. Các công ty liên kết và công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày bên được đầu tư trở thành công ty liên doanh hoặc liên kết. Khi mua khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của bên được đầu tư được kế toán như sau:

a) Lợi thế thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Doanh nghiệp không được phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

b) Phần chênh lệch giữa phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của bên được đầu tư lớn hơn giá phí khoản đầu tư được ghi nhận ngay là thu nhập khi xác định phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết phù hợp với kỳ mua khoản đầu tư.

c) Các điều chỉnh đối với phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết sau ngày mua phải được thực hiện, ví dụ như sự suy giảm giá trị TSCĐ hoặc khấu hao TSCĐ dựa vào giá trị hợp lý của TSCĐ tại ngày mua.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của công ty liên kết tương ứng với tỉ lệ vốn mà Công ty nắm giữ. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của công ty liên kết tương ứng với tỉ lệ vốn mà Công ty nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Công ty ghi nhận phần tỉ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn chủ sở hữu tương ứng của Công ty.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cho cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ và toàn bộ thu nhập và chi phí phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ đang nằm trong giá trị tài sản (như hàng tồn kho, tài sản cố định...) phải được loại trừ hoàn toàn. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra trừ khi giá vốn không thể được thu hồi. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của tập đoàn trong các đơn vị nhận đầu tư.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu và phải thu khác

Các khoản phải thu khác hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 12 năm
- Phương tiện vận tải	04 – 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 06 năm
- Quyền sử dụng đất	32 – 44 năm
- Chương trình phần mềm	05 – 08 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc và thiết bị	07 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	08 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

b) Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

c) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

10. Nguyên tắc ghi nhận ghi nhận nợ phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

18. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	2.446.229.381	2.048.011.757
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	786.570.100	6.709.543.772
Cộng	3.232.799.481	8.757.555.529

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Đầu tư tài chính

	Đơn vị tính: VND					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		26.380.305.000	26.380.305.000		22.675.918.329	22.675.918.329
- Ngắn hạn		24.130.305.000	24.130.305.000		22.425.918.329	22.425.918.329
+ Tiền gửi có kỳ hạn bảo lãnh các khoản vay		14.000.000.000	14.000.000.000		14.000.000.000	14.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		10.130.305.000	10.130.305.000		8.425.918.329	8.425.918.329
- Dài hạn		2.250.000.000	2.250.000.000		250.000.000	250.000.000
+ Trái phiếu (250 trái phiếu của AGR kỳ hạn đến 24/9/2026)		250.000.000	250.000.000		250.000.000	250.000.000
+ Trái phiếu (200 trái phiếu của BIDV kỳ hạn 7 năm)		2.000.000.000	2.000.000.000		-	-
b) Đầu tư tài chính dài hạn		32.225.500.000			32.225.500.000	
- Góp vốn liên doanh		900.000.000			900.000.000	
+ Công ty TNHH Kho lạnh Gió Bắc	30%	900.000.000	(*)	30%	900.000.000	(*)
- Đầu tư vào đơn vị khác		31.325.500.000			31.325.500.000	
+ Công ty CP Thủy sản Năm Căn (15.952 CP)		159.520.000	255.232.000		159.520.000	239.280.000
+ Công ty CP Bao bì Thủy sản (6.598 CP)		65.980.000	(*)		65.980.000	(*)
+ Công ty TNHH Thực Phẩm Hùng Hậu	17%	30.600.000.000	(*)	17%	30.600.000.000	(*)
+ Quỹ trái tim Hùng Hậu		500.000.000	(*)		500.000.000	(*)
Cộng		58.605.805.000			54.901.418.329	

(*) Tại ngày đầu năm và ngày cuối năm, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán này do các công ty này chưa niêm yết nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này chưa được trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	352.478.650.227	334.265.473.366
Phải thu khách hàng trong nước	336.818.392.261	297.023.531.796
Phải thu khách hàng nước ngoài	15.660.257.966	37.241.941.570
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
Xem thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất phần VIII.1		

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ứng trước nhà cung cấp xây dựng - Công ty CP Xây dựng Phát Triển Miền Tây	160.456.027	12.608.900.000
Các đối tượng khác	4.461.385.613	2.878.334.910
Cộng	4.621.841.640	15.487.234.910

5. Phải thu khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	3.676.560.593	2.499.787.810
Lãi tiền gửi dự thu	-	645.328.561
Phải thu tạm ứng cán bộ công nhân viên	1.649.395.760	172.541.200
Phải thu khác	2.027.164.833	1.681.918.049
b) Dài hạn	6.384.950.040	7.001.402.204
Ký quỹ thuê tài chính - Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	5.637.758.800	5.637.758.800
Thuế GTGT tài sản thuê tài chính	718.206.240	1.334.658.404
Phải thu khác	28.985.000	28.985.000
Cộng	10.061.510.633	9.501.190.014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.101.676.426	-	3.464.963.864	-
Công cụ, dụng cụ	2.746.034.456	-	2.354.130.426	-
Thành phẩm	255.435.933.322	-	202.565.871.057	-
Cộng	261.283.644.204	-	208.384.965.347	-

7. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.812.148.715	1.280.884.582
Chi phí bảo hiểm chờ kết chuyển	245.486.626	215.725.855
Tiền thuê đất	1.078.777.662	818.592.672
Công cụ dụng cụ xuất dùng	196.208.475	14.590.910
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	291.675.952	231.975.145
b) Dài hạn	22.516.153.900	29.587.629.084
Tiền thuê đất (*)	21.760.552.905	28.996.618.059
Chi phí sửa chữa	755.600.995	591.011.025
Cộng	24.328.302.615	30.868.513.666

(*) Trong đó: Tiền thuê đất trả trước một lần tại số 624 Âu Cơ, P.10, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với thời gian thuê đến 42 năm đã được thế chấp đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín với giá trị còn phân bổ là 21.637.635.801 VND; Tiền thuê đất tại Lai Vung Đồng Tháp với giá trị còn phân bổ là 122.917.104 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	121.255.158.664	70.051.849.359	7.192.708.803	2.179.699.872	200.679.416.698
Số tăng trong năm	29.503.755.147	1.599.054.364	74.000.000	-	31.176.809.511
- Mua trong năm		1.599.054.364	74.000.000	-	1.673.054.364
- Đầu tư XDCB hoàn thành	29.503.755.147	-	-	-	29.503.755.147
Số giảm trong năm	26.861.470.997	-	322.891.048	-	27.184.362.045
- Thanh lý, nhượng bán	26.861.470.997	-	322.891.048	-	27.184.362.045
Số dư cuối năm	123.897.442.814	71.650.903.723	6.943.817.755	2.179.699.872	204.671.864.164
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	25.449.198.490	39.607.400.185	5.311.360.552	1.969.605.261	72.337.564.488
Khấu hao tăng trong năm	4.702.536.955	6.216.995.787	436.415.321	37.028.970	11.392.977.033
Thanh lý, nhượng bán	492.460.300	-	322.891.048	-	815.351.348
Số dư cuối năm	29.659.275.145	45.824.395.972	5.424.884.825	2.006.634.231	82.915.190.173
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	95.805.960.174	30.444.449.174	1.881.348.251	210.094.611	128.341.852.210
Tại ngày cuối năm	94.238.167.669	25.826.507.751	1.518.932.930	173.065.641	121.756.673.991

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay	91.182.001.734	100.367.292.721
Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	25.181.550.143	12.892.136.872

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Đơn vị tính: VND		
	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	33.513.719.825	4.672.327.942	38.186.047.767
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	33.513.719.825	4.672.327.942	38.186.047.767
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	7.437.634.123	2.282.626.846	9.720.260.969
Khấu hao tăng trong năm	2.842.605.372	584.040.984	3.426.646.356
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối năm	10.280.239.495	2.866.667.830	13.146.907.325
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	26.076.085.702	2.389.701.096	28.465.786.798
Tại ngày cuối năm	23.233.480.330	1.805.660.112	25.039.140.442

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Đơn vị tính: VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	101.888.720.014	393.100.000	102.281.820.014
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	101.888.720.014	393.100.000	102.281.820.014
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.497.847.992	227.239.172	5.725.087.164
Khấu hao tăng trong năm	1.184.671.824	47.171.307	1.231.843.131
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	6.682.519.816	274.410.479	6.956.930.295
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	96.390.872.022	165.860.828	96.556.732.850
Tại ngày cuối năm	95.206.200.198	118.689.521	95.324.889.719

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay	93.337.243.298	94.521.915.122

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp SJI Plaza	1.878.034.091	1.878.034.091
Dự án Công trình HHA OFFICE	-	14.297.088.395
Chi phí mở rộng Văn phòng 613 Âu Cơ	1.482.054.830	
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	1.702.065.801	3.647.998.364
Cộng	5.062.154.722	19.823.120.850

12. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	112.614.355.804	112.614.355.804	93.501.928.947	93.501.928.947
Công ty TNHH MTV Thủy Sản Hiếu Lê CM	7.120.360.544	7.120.360.544	8.565.964.200	8.565.964.200
Công ty TNHH Hùng Cá	24.812.852.500	24.812.852.500	1.032.025.000	1.032.025.000
Các đối tượng khác	80.681.142.760	80.681.142.760	83.903.939.747	83.903.939.747
b) Phải trả người bán dài hạn	-	-	19.030.307.500	19.030.307.500
Công ty TNHH Hùng Cá	-	-	19.030.307.500	19.030.307.500

c) Phải trả người bán là các bên liên quan

Xem thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất phần VIII.1

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp / được hoàn	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	1.014.562.260	31.546.103	651.222.972	394.885.391
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.808.370.971	5.018.966.054	500.000.000	9.327.337.025
Thuế thu nhập cá nhân	737.925.019	1.660.566.374	1.896.681.368	501.810.025
Thuế tài nguyên	15.733.120	53.517.120	31.087.360	38.162.880
Tiền thuê đất	979.551.150	3.663.237.719	1.692.063.442	2.950.725.427
Các loại thuế khác	-	66.712.410	13.911.770	52.800.640
Cộng	7.556.142.520	10.494.545.780	4.784.966.912	13.265.721.388

1388
 CÔNG TY
 NIỆM H
 VỤ TƯ
 ÍNH KẾ
 KIỂM T
 AM VI
 P. HỒ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nhận trước tiền cho thuê mặt bằng	-	1.372.800.000
Cộng	-	1.372.800.000

15. Phải trả khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	12.879.376.624	5.312.872.170
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	6.791.480.149	2.949.859.944
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	114.871.600	114.336.900
Phải trả khác	5.973.024.875	2.248.675.326
b) Dài hạn	11.854.775.000	11.854.775.000
Công ty CP Phát triển Hùng Hậu – Nhận góp vốn Hợp tác kinh doanh dự án căn hộ cao cấp SJ1 Plaza	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty CP Thủy sản Hùng Hậu	7.854.775.000	7.854.775.000
Cộng	24.734.151.624	17.167.647.170

c) Phải trả khác là các bên liên quan

Xem thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất phần VIII.1



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

16. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	441.300.299.828	441.300.299.828	1.044.841.886.829	1.016.649.987.552	413.108.400.551	413.108.400.551
- Vay ngắn hạn (*)	421.117.671.719	421.117.671.719	1.024.659.054.234	993.869.740.244	390.328.357.729	390.328.357.729
+ Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) (UOB)	21.330.724.430	21.330.724.430	51.669.296.217	53.307.548.720	22.968.976.933	22.968.976.933
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	149.584.327.000	149.584.327.000	365.671.560.060	357.472.709.810	141.385.476.750	141.385.476.750
+ Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	32.881.262.000	32.881.262.000	101.387.605.199	91.863.567.882	23.357.224.683	23.357.224.683
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	53.364.520.000	53.364.520.000	158.734.655.338	147.588.505.838	42.218.370.500	42.218.370.500
+ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)	148.489.711.533	148.489.711.533	313.497.374.175	314.905.971.505	149.898.308.863	149.898.308.863
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TP Bank)	4.967.126.756	4.967.126.756	12.698.563.245	7.731.436.489	-	-
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	10.500.000.000	10.500.000.000	21.000.000.000	21.000.000.000	10.500.000.000	10.500.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả (**)	20.182.628.109	20.182.628.109	20.182.832.595	22.780.247.308	22.780.042.822	22.780.042.822
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	4.782.200.000	4.782.200.000	4.782.200.000	5.028.800.000	5.028.800.000	5.028.800.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	10.840.116.000	10.840.116.000	10.840.116.000	10.840.116.000	10.840.116.000	10.840.116.000
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	4.560.312.109	4.560.312.109	4.560.516.595	6.911.331.308	6.911.126.822	6.911.126.822

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
16. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)						
b) Dài hạn (**)	69.622.832.504	69.622.832.504	-	20.182.832.595	89.805.665.099	89.805.665.099
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	23.500.000.000	23.500.000.000	-	4.782.200.000	28.282.200.000	28.282.200.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	42.646.314.000	42.646.314.000	-	10.840.116.000	53.486.430.000	53.486.430.000
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	3.476.518.504	3.476.518.504	-	4.560.516.595	8.037.035.099	8.037.035.099
Cộng	510.923.132.332	510.923.132.332	1.044.841.886.829	1.036.832.820.147	502.914.065.650	502.914.065.650

c) Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

(* Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

Bên cho vay	Số hợp đồng vay	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc tại ngày cuối năm		Phương thức đảm bảo
			USD	VND	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	LD1922500241	12 tháng		125.102.000.000	Thế chấp
	LD1922500241	12 tháng	1.060.300,00	24.482.327.000	Thế chấp
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	CVL.DN.1900.230620	12 tháng		13.987.000.000	Thế chấp
	CVL.DN.1900.230620	12 tháng	731.800,00	16.897.262.000	Thế chấp
	CVL.DN.1900.230620	12 tháng		1.997.000.000	Thế chấp
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	1606-LAV-202000201	6 tháng		6.461.803.000	Thế chấp
	1606-LAV-202000201	6 tháng	2.031.300,00	46.902.717.000	Thế chấp
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)	01/2020/1777831/HĐT	12 tháng		148.489.711.533	Thế chấp
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) (UOB)	UOB/HCMC/CASL/18202	12 tháng		10.245.000.000	Tin chấp
	UOB/HCMC/CASL/18202	12 tháng	480.109,33	11.085.724.430	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TP Bank)	48/2020/HDTD/BCH/01	12 tháng		4.967.126.756	Tin chấp
Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	2020-00058-000	6 tháng		10.500.000.000	Tin chấp
Cộng				421.117.671.719	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(**) Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn:

+ Chi tiết các khoản vay dài hạn:

Bên cho vay	Số hợp đồng vay	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc tại ngày cuối năm			Phương thức đảm bảo
			Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	LD1511700300	120 tháng	3.200.040.000	11.466.410.000	14.666.450.000	Thế chấp
	LD1623700103	120 tháng	1.740.000.000	-	1.740.000.000	Thế chấp
	LD1623700088	60 tháng	4.530.000.000	22.650.000.000	27.180.000.000	Thế chấp
	LD1728500607	120 tháng	1.370.076.000	8.529.904.000	9.899.980.000	Thế chấp
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	LAV201500825	60 tháng	82.200.000	-	82.200.000	Thế chấp
	LAV201600721	120 tháng	4.700.000.000	23.500.000.000	28.200.000.000	Thế chấp
Cộng			15.622.316.000	66.146.314.000	81.768.630.000	

+ Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam để mua máy móc, thiết bị, xe ô tô. Chi tiết các khoản thuê như sau:

Số hợp đồng thuê	Thời hạn thuê	Số dư nợ gốc tại ngày cuối năm		
		Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND
2015-00191-001	60 tháng	616.425.222	-	616.425.222
2017-00028-001	60 tháng	3.395.518.672	2.350.743.678	5.746.262.350
2019-00016-001	48 tháng	270.887.024	499.202.302	770.089.326
2019-00057-001	48 tháng	277.481.191	626.572.524	904.053.715
Cộng		4.560.312.109	3.476.518.504	8.036.830.613

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	199.070.530.000	46.428.827.960	(10.100.000)	4.019.289.456	25.690.859.396	275.199.406.812
Tăng vốn trong năm trước	11.941.910.000				(11.941.910.000)	-
Lãi trong năm trước					25.120.484.345	25.120.484.345
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi					(489.598.312)	(489.598.312)
Trích quỹ đầu tư phát triển				489.598.312	(489.598.312)	-
Chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm 2018					(11.943.625.800)	(11.943.625.800)
Giảm khác					(734.397.467)	(734.397.467)
Số dư cuối năm trước	211.012.440.000	46.428.827.960	(10.100.000)	4.508.887.768	25.212.213.850	287.152.269.578
Số dư đầu năm nay	211.012.440.000	46.428.827.960	(10.100.000)	4.508.887.768	25.212.213.850	287.152.269.578
Tăng vốn trong năm nay	10.548.160.000				(10.548.160.000)	-
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	10.548.160.000				(10.548.160.000)	-
Lãi trong năm nay					18.694.823.882	18.694.823.882
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi					(502.409.687)	(502.409.687)
Trích quỹ đầu tư phát triển				502.409.687	(502.409.687)	-
Chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm 2019					(12.660.140.400)	(12.660.140.400)
Giảm khác					(753.614.530)	(753.614.530)
Số dư cuối năm nay	221.560.600.000	46.428.827.960	(10.100.000)	5.011.297.455	18.940.303.428	291.930.928.843

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	%	Số đầu năm VND	%
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	108.219.380.000	48,844	72.503.000.000	34,360
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần	21.091.230.000	9,519	21.091.230.000	9,995
Vốn góp của các cổ đông	92.249.990.000	41,637	117.418.210.000	55,645
Cộng	221.560.600.000	100	211.012.440.000	100

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	211.012.440.000	199.070.530.000
Vốn góp tăng trong năm	10.548.160.000	11.941.910.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	221.560.600.000	211.012.440.000
Cổ tức đã chia	23.208.300.400	23.885.535.800

d) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	22.156.060	21.101.244
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	22.156.060	21.101.244
- Cổ phiếu phổ thông	22.156.060	21.101.244
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	1.010	1.010
- Cổ phiếu phổ thông	1.010	1.010
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.155.050	21.100.234
- Cổ phiếu phổ thông	22.155.050	21.100.234
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
+ USD	5.179,69	203.495,69
+ EUR	194,87	205,79

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	1.071.875.813.356	1.110.978.346.446
Cộng	1.071.875.813.356	1.110.978.346.446

b) Doanh thu đối với các bên liên quan

Xem thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất phần VIII.1

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chiết khấu thương mại	11.066.073	3.424.200
Hàng bán bị trả lại	23.574.742	215.884.399
Giảm giá hàng bán	716.127.480	114.975.000
Cộng	750.768.295	334.283.599

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần về bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	1.071.125.045.061	1.110.644.062.847
Cộng	1.071.125.045.061	1.110.644.062.847

4. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	969.879.977.728	1.014.712.530.647
Cộng	969.879.977.728	1.014.712.530.647

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	734.979.307	1.307.273.004
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	-	3.000.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.617.984.824	1.595.792.229
Cộng	3.352.964.131	5.903.065.233

6. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	39.320.953.678	37.891.153.113
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.081.826.488	1.263.832.393
Cộng	41.402.780.166	39.154.985.506

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
a) Chi phí bán hàng	20.832.432.887	12.429.255.610
Chi phí nhân viên	5.582.564.333	5.899.223.293
Chi phí hoa hồng	7.309.989.710	329.210.319
Chi phí vận chuyển và bảo hiểm hàng hóa	6.136.219.016	3.446.920.284
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.803.659.828	2.753.901.714
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.304.998.352	19.191.333.443
Chi phí nhân viên quản lý	13.035.455.730	12.597.327.782
Chi phí khấu hao	321.081.099	312.291.239
Các khoản chi phí quản lý khác	5.948.461.523	6.281.714.422

8. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý tài sản	721.898.394	903.087.563
Thu nhập khác	461.881.985	212.469.721
Cộng	1.183.780.379	1.115.557.284

9. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp, truy thu thuế	482.404.964	804.828.551
Chi phí khác	45.405.538	13.944.676
Cộng	527.810.502	818.773.227

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thu nhập từ hoạt động chế biến trong thủy sản nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính. Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.713.789.936	31.355.806.931
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	1.926.796.629	1.444.826.270
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.221.075.545	1.444.826.270
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Điều chỉnh lợi nhuận trước thuế do hợp nhất	705.721.084	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	25.640.586.565	32.800.633.201
Trong đó:		
+ Lợi nhuận tính thuế 15%	2.183.025.174	6.496.081.081
+ Lợi nhuận tính thuế 20%	23.457.561.391	26.304.552.120
Trong đó: Lợi nhuận tính thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng BĐS	15.228.836.227	7.134.758.075
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.018.966.054	6.235.322.586

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.694.823.882	25.120.484.345
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(934.741.194)	(1.256.024.217)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (*)	934.741.194	1.256.024.217
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.760.082.688	23.864.460.128
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	22.155.050	22.155.050
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	802	1.077

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 28/12/2019, Quỹ khen thưởng, phúc lợi tạm tính theo tỷ lệ 2% lợi nhuận hợp nhất sau thuế và trích thủ lao HĐQT, BKS tạm tính theo tỷ lệ 3% lợi nhuận hợp nhất sau thuế.

(**) Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm trước và Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh hồi tố do ảnh hưởng của việc chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2020.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	903.804.938.054	888.982.289.498
Chi phí nhân công	83.242.142.883	98.246.517.775
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.051.466.520	16.970.594.579
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.190.458.674	15.224.643.120
Chi phí khác bằng tiền	18.196.312.025	13.259.992.304
Cộng	1.056.485.318.156	1.032.684.037.276

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Trong năm, Công ty đã phát sinh các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, như sau:

	Năm nay VND
Tăng Vốn cổ phần - Chia cổ tức bằng cổ phiếu	10.548.160.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.608.034.164	2.949.181.293

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch VND
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	Bên liên quan	Doanh thu dịch vụ	492.743.675
		Chi khác	26.815.500

Cho đến ngày cuối năm, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu, (phải trả) VND
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	Bên liên quan	Phải trả người bán	(56.601.145)
		Phải thu khách hàng	698.898.078
		Phải trả khác	(4.000.000.000)

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Xuất khẩu	270.187.356.136	277.277.868.067
Trong nước	800.937.688.925	833.366.194.780
Cộng	1.071.125.045.061	1.110.644.062.847

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất chế biến thủy sản nên không trình bày báo cáo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 cũng yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Đơn vị tính : VND		
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Tổng cộng
Số cuối năm	560.046.508.115	81.477.607.504	641.524.115.619
Vay và nợ thuê tài chính	441.300.299.828	69.622.832.504	510.923.132.332
Phải trả cho người bán	112.614.355.804	-	112.614.355.804
Chi phí phải trả	43.956.008	-	43.956.008
Các khoản phải trả khác	6.087.896.475	11.854.775.000	17.942.671.475
Số đầu năm	509.072.575.743	120.690.747.599	629.763.323.342
Vay và nợ thuê tài chính	413.108.400.551	89.805.665.099	502.914.065.650
Phải trả cho người bán	93.501.928.947	19.030.307.500	112.532.236.447
Chi phí phải trả	99.234.019	-	99.234.019
Các khoản phải trả khác	2.363.012.226	11.854.775.000	14.217.787.226

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không có. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 đã được kiểm toán.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, Công ty không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục.

Người lập biểu / Kế toán trưởng



Phạm Thị Bích Như

Ngày 7 tháng 12 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Phụng



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU**

-----o0o-----

Số: 28.2020/HHA/CV-CBTT

(V/v CBTT định kỳ: BCTC Năm tài chính 2020
đã được kiểm toán)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

TP.HCM, ngày 16 tháng 12 năm 2020

**Kính gửi: - Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội;
- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.**

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.**

2. Mã chứng khoán: SJ1.

3. Địa chỉ liên lạc: 1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, Tp. HCM.

4. Điện thoại: 028. 6290 3333

Fax: 028. 6261 6666

5. Email: info@hungchau.vn.

6. Người thực hiện công bố thông tin: **Ông Từ Thanh Phụng – Tổng Giám Đốc.**

7. Nội dung công bố thông tin:

7.1. Báo cáo tài chính Năm tài chính 2020 (01/10/2019 – 30/09/2020) của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu được lập ngày 07/12/2020 bao gồm: BCDKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC đã được Công ty TNHH dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt kiểm toán ngày 10/12/2020.

7.2. Nội dung giải trình:

7.2.1. Giải trình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Năm tài chính 2020 giảm so với cùng kỳ Năm tài chính 2019:

- Lợi nhuận sau thuế của Năm tài chính 2020 giảm 21% so với cùng kỳ Năm tài chính 2019 là do:

+ Ảnh hưởng của dịch Covid19;

+ Doanh thu giảm 5%.

7.2.2. Giải trình BCTC Quý 4/2020 so với BCTC Năm tài chính 2020.

8. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ thông tin trên: **www.agri.hungchau.vn.**

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

Người thực hiện CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TỪ THANH PHỤNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬUSố: **44.2020/CV-HMH**

---oOo---

V/v: giải trình kết quả hoạt động SXKD
năm tài chính 2020 giảm so với
cùng kỳ năm tài chính 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

---oOo---

TP.HCM, ngày 11 tháng 12 năm 2020

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty xin giải trình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm tài chính 2020 giảm so với cùng kỳ năm tài chính 2019 như sau:

Bảng tổng hợp các chỉ tiêu:

Chi tiêu	ĐVT	Năm 2019 (từ 01/10/2018 đến 30/09/2019)	Năm 2020 (từ 01/10/2019 đến 30/09/2020)	% tăng, giảm
I/ Sản lượng SX-TT				
1. Sản lượng sản xuất	Tấn	3,402	3,422	1%
2. Sản lượng tiêu thụ	Tấn	3,303	3,303	0%
II/ Doanh thu - Lợi nhuận				
1. Doanh thu thuần	Triệu đồng	1,127,083	1,071,086	-5%
2. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	24,831	19,599	-21%
III/ Các chỉ tiêu tài chính cơ bản				
1. Các khoản phải thu ngắn hạn	Triệu đồng	357,236	360,272	1%
2. Hàng tồn kho	Triệu đồng	208,385	261,284	25%
3. Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	554,605	610,079	10%

* Lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2020 giảm 21% so với cùng kỳ năm tài chính 2019 là do:

- _ Do ảnh hưởng dịch Covid 19
- _ Doanh thu giảm 5%

Trên đây là phần giải trình biến động về KQKD giữa hai kỳ báo cáo của Công Ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- _ Như trên
- _ Lưu TV

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU



Tu Thành Phụng

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

SỐ: 46.2020/CV-HHA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

V/v: giải trình BCTC quý 4/2020 so với BCKT năm 2020

Tp.HCM, ngày 11 tháng 12 năm 2020

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty xin giải trình Báo cáo tài chính quý 4/2020 so với Báo cáo kiểm toán năm 2020 như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Báo cáo lũy kế quý 4/2020	Báo cáo kiểm toán năm 2020	Chênh lệch	Lý do
NGUỒN VỐN				
Nợ phải trả				
Phải trả người bán ngắn hạn khác	111,684,901,590	130,715,209,090	19,030,307,500	Phân loại lại khoản tiền phải trả dài hạn từ dài hạn sang ngắn hạn
Phải trả người bán dài hạn khác	19,030,307,500		(19,030,307,500)	Phân loại lại khoản tiền phải trả dài hạn từ dài hạn sang ngắn hạn
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	12,500,074,005	12,659,693,765	159,619,760	Điều chỉnh tăng do tính lại số thuế phải nộp
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	441,039,106,088	441,300,299,828	261,193,740	Trình bày lại khoản vay dài hạn đến hạn trả sang ngắn hạn
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	69,884,026,244	69,622,832,504	(261,193,740)	Trình bày lại khoản vay dài hạn đến hạn trả sang ngắn hạn
Vốn chủ sở hữu			-	
LNST chưa phân phối kỳ này	19,620,250,777	19,460,631,017	(159,619,760)	Điều chỉnh giảm do tính lại số thuế phải nộp
Tổng cộng nguồn vốn	673,758,666,204	673,758,666,204	-	



KẾT QUẢ KINH DOANH

Chỉ tiêu	Báo cáo lũy kế quý 4/2020	Báo cáo kiểm toán năm 2020	Chênh lệch	Lý do
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,064,548,118,356	1,071,836,862,447	7.288,744,091	- Điều chỉnh tăng doanh thu từ dịch vụ xuất khẩu
Giá vốn hàng bán	970,080,971,344	969,879,977,728	(200,993,616)	- Điều chỉnh giảm chi phí lãi vay công trình xây dựng đã hoàn công đưa vào sử dụng
Chi phí tài chính	41,201,786,550	41,402,780,166	200,993,616	- Điều chỉnh tăng chi phí lãi vay của công trình xây dựng đã hoàn công đưa vào sử dụng
Thu nhập khác	34,817,001,978	1,159,247,190	(33,657,754,788)	- Điều chỉnh giảm thu nhập khác từ dịch vụ xuất khẩu - Điều chỉnh bù trừ thu nhập khác và chi phí khác từ thanh lý tài sản
Chi phí khác	26,831,895,651	462,884,954	(26,369,010,697)	- Điều chỉnh bù trừ thu nhập khác và chi phí khác từ thanh lý tài sản
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4,859,346,294	5,018,966,054	159,619,760	- Điều chỉnh tăng do tính lại số thuế phải nộp
Lợi nhuận sau thuế TNDN	19,758,242,821	19,598,623,061	(159,619,760)	- Điều chỉnh giảm do tính lại số thuế phải nộp

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU



TỪ THANH PHỤNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU**

**Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2020
đã được kiểm toán**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**

**Địa chỉ ĐKKD: 29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Tel: 028. 3910 4881
Địa chỉ giao dịch: 26 Nguyễn Huy Tự, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Tel: 028. 3910 4881/ 3820 6881 - Fax: 028. 3820 6881**

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 – 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	09 – 33



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2020.

Khái quát

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ Công ty Cổ phần Thủy sản số 1) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302047389, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 7 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần 23 ngày 14 tháng 8 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
-

Trụ sở chính của Công ty tại số 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Trần Văn Hậu	Chủ tịch	Hết nhiệm kỳ từ ngày 28/12/2019
Bà Phạm Thị Minh Nguyệt	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28/12/2019
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Phó Chủ tịch	Hết nhiệm kỳ từ ngày 28/12/2019
Ông Trần Thanh Hương	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28/12/2019
Ông Từ Thanh Phụng	Thành viên	
Bà Huỳnh Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/12/2019
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên	
Ông Trần Thanh Hương	Thành viên	Hết nhiệm kỳ từ ngày 28/12/2019
Ông Võ Minh Khang	Thành viên	Hết nhiệm kỳ từ ngày 28/12/2019
Bà Đinh Thị Bích Hà	Thành viên	Hết nhiệm kỳ từ ngày 28/12/2019
Ông Ngô Đức Dũng	Thành viên	Hết nhiệm kỳ từ ngày 28/12/2019

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Từ Thanh Phụng	Tổng Giám đốc	
Ông Tống Văn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Huỳnh Thanh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Phương Như	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/04/2020
Ông Nguyễn Văn Dol	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/05/2020
Bà Nguyễn Minh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Hết nhiệm kỳ từ ngày 28/10/2019

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2020.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 12 năm 2020

Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch

Phạm Thị Minh Nguyệt

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Trần Thành Phụng

Số: 07-2/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu, được lập ngày 7 tháng 12 năm 2020, từ trang 5 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

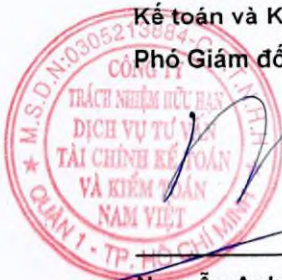
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1559-2018-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2020

Kiểm toán viên



Nguyễn Văn Tinh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3919-2017-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		654.874.347.571	601.238.975.171
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.139.176.074	5.276.746.665
1. Tiền	111	V.1	3.139.176.074	5.276.746.665
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24.130.305.000	22.425.918.329
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	24.130.305.000	22.425.918.329
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		360.271.997.641	357.235.965.427
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	352.422.550.227	339.336.184.167
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.621.841.640	15.487.234.910
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	3.227.605.774	2.412.546.350
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	261.283.644.204	208.384.965.347
1. Hàng tồn kho	141		261.283.644.204	208.384.965.347
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.049.224.652	7.915.379.403
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1.812.148.715	1.280.884.582
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.237.075.937	6.634.494.821
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		329.204.462.814	360.897.023.996
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.384.950.040	7.001.402.204
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	6.384.950.040	7.001.402.204
II. Tài sản cố định	220		242.120.704.152	253.364.371.858
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	121.756.673.991	128.341.852.210
- Nguyên giá	222		204.671.864.164	200.679.416.698
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(82.915.190.173)	(72.337.564.488)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	25.039.140.442	28.465.786.798
- Nguyên giá	225		38.186.047.767	38.186.047.767
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(13.146.907.325)	(9.720.260.969)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	95.324.889.719	96.556.732.850
- Nguyên giá	228		102.281.820.014	102.281.820.014
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.956.930.295)	(5.725.087.164)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.062.154.722	19.823.120.850
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	5.062.154.722	19.823.120.850
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		53.120.500.000	51.120.500.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	19.545.000.000	19.545.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	31.325.500.000	31.325.500.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	2.250.000.000	250.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		22.516.153.900	29.587.629.084
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	22.516.153.900	29.587.629.084
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		984.078.810.385	962.135.999.167

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		691.556.492.757	675.296.139.983
I. Nợ ngắn hạn	310		610.078.885.253	554.605.392.384
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	130.715.209.090	120.692.329.272
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.715.036.938	1.912.558.991
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	12.659.693.765	6.366.661.272
4. Phải trả người lao động	314		10.259.816.949	7.513.115.797
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		43.956.008	99.234.019
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	-	1.372.800.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	12.384.834.367	3.495.502.660
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	441.300.299.828	413.108.400.551
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		38.308	44.789.822
II. Nợ dài hạn	330		81.477.607.504	120.690.747.599
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	-	19.030.307.500
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	11.854.775.000	11.854.775.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	69.622.832.504	89.805.665.099
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		292.522.317.628	286.839.859.184
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	292.522.317.628	286.839.859.184
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		221.560.600.000	211.012.440.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		221.560.600.000	211.012.440.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		46.428.827.960	46.428.827.960
3. Cổ phiếu quỹ	415		(10.100.000)	(10.100.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.011.297.455	4.508.887.768
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.531.692.213	24.899.803.456
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		71.061.196	69.104.196
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		19.460.631.017	24.830.699.260
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		984.078.810.385	962.135.999.167

Người lập biểu / Kế toán trưởng



Phạm Thị Bích Như

Ngày 7 tháng 12 năm 2020



Từ Thanh Phụng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.071.836.862.447	1.127.416.895.900
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	750.768.295	334.283.599
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	1.071.086.094.152	1.127.082.612.301
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	969.879.977.728	1.035.528.634.745
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		101.206.116.424	91.553.977.556
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	3.490.913.881	5.902.418.571
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	41.402.780.166	39.154.985.506
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		39.320.953.678	37.891.153.113
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7a	20.832.432.887	12.429.255.610
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7b	18.540.590.373	15.235.894.256
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.921.226.879	30.636.260.755
11. Thu nhập khác	31	VI.8	1.159.247.190	1.046.032.686
12. Chi phí khác	32	VI.9	462.884.954	727.654.714
13. Lợi nhuận khác	40		696.362.236	318.377.972
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.617.589.115	30.954.638.727
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	5.018.966.054	6.123.939.467
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		19.598.623.061	24.830.699.260

Người lập biểu / Kế toán trưởng



Phạm Thị Bích Như

Ngày 7 tháng 12 năm 2020

Tổng Giám đốc



Từ Thanh Phụng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2020

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	24.617.589.115	30.954.638.727
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	16.051.466.520	16.970.594.579
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	616.285.052	(7.727.905)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.594.827.451)	(5.209.713.905)
- Chi phí lãi vay	06	39.320.953.678	37.891.153.113
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	79.011.466.914	80.598.944.609
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	9.722.467.544	20.757.548.938
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(52.898.678.857)	(21.059.392.198)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	3.450.809.010	(29.794.693.616)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	6.540.211.051	1.753.455.673
- Tiền lãi vay đã trả	14	(39.320.953.678)	(37.891.153.113)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(500.000.000)	(11.110.959.329)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.300.775.731)	(1.247.773.594)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.704.546.253	2.005.977.370
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(3.652.799.410)	(14.514.114.824)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	90.909.091	26.812.226.406
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.704.386.671)	(2.675.918.329)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(20.510.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4.230.000.000	
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	1.380.265.574	1.355.706.114
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.656.011.416)	(9.532.100.633)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.024.143.710.932	982.763.699.694
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.009.736.229.244)	(953.735.639.828)
3. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	(6.911.331.308)	(9.905.428.193)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.659.605.700)	(11.948.147.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.163.455.320)	7.174.483.873
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(2.114.920.483)	(351.639.390)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.276.746.665	5.626.647.685
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(22.650.108)	1.738.370
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	3.139.176.074	5.276.746.665

Người lập biểu / Kế toán trưởng



Phạm Thị Bích Như

Ngày 7 tháng 12 năm 2020

Tổng Giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU
QUẬN TÂN PHÚ, TP. HỒ CHÍ MINH



Từ Thanh Phụng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ Công ty Cổ phần Thủy sản số 1) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302047389, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 7 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần 23 ngày 14 tháng 8 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
-

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Trong năm, Công ty không có thay đổi bất thường gì về đặc điểm hoạt động kinh doanh.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách Công ty con:

Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ vốn thực góp	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
Công ty TNHH Ngư nghiệp Hùng Hậu	65%	100%	Lô C, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp	Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ 01/10 năm trước và kết thúc vào ngày 30/09 của năm nay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 12 năm
- Phương tiện vận tải	04 – 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 06 năm
- Quyền sử dụng đất	32 – 44 năm
- Chương trình phần mềm	05 – 08 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc và thiết bị	07 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	08 năm

7. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

b) Đầu tư vào công ty con; Công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

c) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc ghi nhận ghi nhận nợ phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4
G
P
N
G
P
C.T. H
C. B
V. T
O. A
N
T
C. H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

17. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	2.376.745.276	292.990.824
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	762.430.798	4.983.755.841
Cộng	3.139.176.074	5.276.746.665

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		26.380.305.000		22.675.918.329
- Ngắn hạn		24.130.305.000		22.425.918.329
+ Tiền gửi có kỳ hạn bảo lãnh các khoản vay		14.000.000.000		14.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		10.130.305.000		8.425.918.329
- Dài hạn		2.250.000.000		250.000.000
+ Trái phiếu (250 trái phiếu của AGR kỳ hạn đến 24/9/2026)		250.000.000		250.000.000
+ Trái phiếu (200 trái phiếu của BIDV kỳ hạn 7 năm)		2.000.000.000		-
b) Đầu tư tài chính dài hạn		50.870.500.000		50.870.500.000
- Đầu tư vào Công ty con		19.545.000.000		19.545.000.000
+ Công ty TNHH Ngư Nghiệp Hùng Hậu	65%	19.545.000.000	65%	19.545.000.000
- Đầu tư vào đơn vị khác		31.325.500.000		31.325.500.000
+ Công ty CP Thủy sản Năm Căn (15.952 CP)		159.520.000		159.520.000
+ Công ty CP Bao bì Thủy sản (6.598 CP)		65.980.000		65.980.000
+ Công ty TNHH Thực Phẩm Hùng Hậu	17%	30.600.000.000	17%	30.600.000.000
+ Quỹ trái tim Hùng Hậu		500.000.000		500.000.000
Cộng		77.250.805.000		73.546.418.329

(*) Tại ngày đầu năm và ngày cuối năm, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán này do các công ty này chưa niêm yết nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này chưa được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	352.422.550.227	339.336.184.167
Phải thu khách hàng trong nước	336.762.292.261	302.094.242.597
Phải thu khách hàng nước ngoài	15.660.257.966	37.241.941.570
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
Xem thuyết minh Báo cáo tài chính phần VIII.1		

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ứng trước nhà cung cấp xây dựng - Công ty CP Xây dựng Phát Triển Miền Tây	160.456.027	12.608.900.000
Các đối tượng khác	4.461.385.613	2.878.334.910
Cộng	4.621.841.640	15.487.234.910

5. Phải thu khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	3.227.605.774	2.412.546.350
Lãi tiền gửi dự thu	-	645.328.561
Phải thu tạm ứng cán bộ công nhân viên	1.514.895.760	161.883.890
Phải thu khác	1.712.710.014	1.605.333.899
b) Dài hạn	6.384.950.040	7.001.402.204
Ký quỹ thuê tài chính - Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	5.637.758.800	5.637.758.800
Thuế GTGT tài sản thuê tài chính	718.206.240	1.334.658.404
Phải thu khác	28.985.000	28.985.000
Cộng	9.612.555.814	9.413.948.554

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.101.676.426	-	3.464.963.864	-
Công cụ, dụng cụ	2.746.034.456	-	2.354.130.426	-
Thành phẩm	255.435.933.322	-	202.565.871.057	-
Cộng	261.283.644.204	-	208.384.965.347	-

7. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.812.148.715	1.280.884.582
Chi phí bảo hiểm chờ kết chuyển	245.486.626	215.725.855
Tiền thuê đất	1.078.777.662	818.592.672
Công cụ dụng cụ xuất dùng	196.208.475	14.590.910
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	291.675.952	231.975.145
b) Dài hạn	22.516.153.900	29.587.629.084
Tiền thuê đất (*)	21.760.552.905	28.996.618.059
Chi phí sửa chữa	755.600.995	591.011.025
Cộng	24.328.302.615	30.868.513.666

(*) Trong đó: Tiền thuê đất trả trước một lần tại số 624 Âu Cơ, P.10, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với thời gian thuê đến 42 năm đã được thế chấp đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín với giá trị còn phân bổ là 21.637.635.801 VND; Tiền thuê đất tại Lai Vung Đồng Tháp với giá trị còn phân bổ là 122.917.104 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	121.255.158.664	70.051.849.359	7.192.708.803	2.179.699.872	200.679.416.698
Số tăng trong năm	29.503.755.147	1.599.054.364	74.000.000	-	31.176.809.511
- Mua trong năm	-	1.599.054.364	74.000.000	-	1.673.054.364
- Đầu tư XDCB hoàn thành	29.503.755.147	-	-	-	29.503.755.147
Số giảm trong năm	26.861.470.997	-	322.891.048	-	27.184.362.045
- Thanh lý, nhượng bán	26.861.470.997	-	322.891.048	-	27.184.362.045
Số dư cuối năm	123.897.442.814	71.650.903.723	6.943.817.755	2.179.699.872	204.671.864.164
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	25.449.198.490	39.607.400.185	5.311.360.552	1.969.605.261	72.337.564.488
Khấu hao tăng trong năm	4.702.536.955	6.216.995.787	436.415.321	37.028.970	11.392.977.033
Thanh lý, nhượng bán	492.460.300	-	322.891.048	-	815.351.348
Số dư cuối năm	29.659.275.145	45.824.395.972	5.424.884.825	2.006.634.231	82.915.190.173
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	95.805.960.174	30.444.449.174	1.881.348.251	210.094.611	128.341.852.210
Tại ngày cuối năm	94.238.167.669	25.826.507.751	1.518.932.930	173.065.641	121.756.673.991
				Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay				91.182.001.734	100.367.292.721
Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng				25.181.550.143	12.892.136.872

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Đơn vị tính: VND		
	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	33.513.719.825	4.672.327.942	38.186.047.767
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	33.513.719.825	4.672.327.942	38.186.047.767
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	7.437.634.123	2.282.626.846	9.720.260.969
Khấu hao tăng trong năm	2.842.605.372	584.040.984	3.426.646.356
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	10.280.239.495	2.866.667.830	13.146.907.325
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	26.076.085.702	2.389.701.096	28.465.786.798
Tại ngày cuối năm	23.233.480.330	1.805.660.112	25.039.140.442

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Đơn vị tính: VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	101.888.720.014	393.100.000	102.281.820.014
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	101.888.720.014	393.100.000	102.281.820.014
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.497.847.992	227.239.172	5.725.087.164
Khấu hao tăng trong năm	1.184.671.824	47.171.307	1.231.843.131
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	6.682.519.816	274.410.479	6.956.930.295
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	96.390.872.022	165.860.828	96.556.732.850
Tại ngày cuối năm	95.206.200.198	118.689.521	95.324.889.719

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay	93.337.243.298	94.521.915.122

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dự án trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp SJI Plaza	1.878.034.091	1.878.034.091
Dự án Công trình HHA OFFICE	-	14.297.088.395
Chi phí mở rộng Văn phòng 613 Âu Cơ	1.482.054.830	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	1.702.065.801	3.647.998.364
Cộng	5.062.154.722	19.823.120.850

12. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Đơn vị tính: VND		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	130.715.209.090	130.715.209.090	120.692.329.272	120.692.329.272
Công ty TNHH Ngu Nghiệp Hùng Hậu	18.663.475.986	18.663.475.986	28.501.423.878	28.501.423.878
Công ty TNHH MTV Thủy Sản Hiếu Lê CM	7.120.360.544	7.120.360.544	8.565.964.200	8.565.964.200
Công ty TNHH Hùng Cá	24.812.852.500	24.812.852.500	1.032.025.000	1.032.025.000
Các đối tượng khác	80.118.520.060	80.118.520.060	82.592.916.194	82.592.916.194
b) Phải trả người bán dài hạn	-	-	19.030.307.500	19.030.307.500
Công ty TNHH Hùng Cá	-	-	19.030.307.500	19.030.307.500

c) Phải trả người bán là các bên liên quan
Xem thuyết minh Báo cáo tài chính phần VIII.1

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.696.987.852	5.018.966.054	500.000.000	9.215.953.906
Thuế thu nhập cá nhân	690.122.270	1.656.908.085	1.874.844.403	472.185.952
Thuế tài nguyên	-	20.828.480	-	20.828.480
Tiền thuê đất	979.551.150	3.663.237.719	1.692.063.442	2.950.725.427
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	6.366.661.272	10.364.940.338	4.071.907.845	12.659.693.765

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nhận trước tiền cho thuê mặt bằng	-	1.372.800.000
Cộng	-	1.372.800.000

15. Phải trả khác

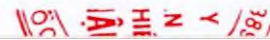
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	12.384.834.367	3.495.502.660
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	6.296.937.892	1.243.328.318
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	114.871.600	114.336.900
Phải trả khác	5.973.024.875	2.137.837.442
b) Dài hạn	11.854.775.000	11.854.775.000
Công ty CP Phát triển Hùng Hậu – Nhận góp vốn Hợp tác kinh doanh dự án căn hộ cao cấp SJ1 Plaza	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty CP Thủy sản Hùng Hậu	7.854.775.000	7.854.775.000
Cộng	24.239.609.367	15.350.277.660
c) Phải trả khác là các bên liên quan		
Xem thuyết minh Báo cáo tài chính phần VIII.1		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	441.300.299.828	441.300.299.828	1.044.841.886.829	1.016.649.987.552	413.108.400.551	413.108.400.551
- Vay ngắn hạn (*)	421.117.671.719	421.117.671.719	1.024.659.054.234	993.869.740.244	390.328.357.729	390.328.357.729
+ Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) (UOB)	21.330.724.430	21.330.724.430	51.669.296.217	53.307.548.720	22.968.976.933	22.968.976.933
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	149.584.327.000	149.584.327.000	365.671.560.060	357.472.709.810	141.385.476.750	141.385.476.750
+ Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	32.881.262.000	32.881.262.000	101.387.605.199	91.863.567.882	23.357.224.683	23.357.224.683
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	53.364.520.000	53.364.520.000	158.734.655.338	147.588.505.838	42.218.370.500	42.218.370.500
+ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)	148.489.711.533	148.489.711.533	313.497.374.175	314.905.971.505	149.898.308.863	149.898.308.863
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TP Bank)	4.967.126.756	4.967.126.756	12.698.563.245	7.731.436.489	-	-
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	10.500.000.000	10.500.000.000	21.000.000.000	21.000.000.000	10.500.000.000	10.500.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả (**)	20.182.628.109	20.182.628.109	20.182.832.595	22.780.247.308	22.780.042.822	22.780.042.822
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	4.782.200.000	4.782.200.000	4.782.200.000	5.028.800.000	5.028.800.000	5.028.800.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	10.840.116.000	10.840.116.000	10.840.116.000	10.840.116.000	10.840.116.000	10.840.116.000
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	4.560.312.109	4.560.312.109	4.560.516.595	6.911.331.308	6.911.126.822	6.911.126.822



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Dài hạn (**)	69.622.832.504	69.622.832.504	-	20.182.832.595	89.805.665.099	89.805.665.099
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	23.500.000.000	23.500.000.000	-	4.782.200.000	28.282.200.000	28.282.200.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	42.646.314.000	42.646.314.000	-	10.840.116.000	53.486.430.000	53.486.430.000
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	3.476.518.504	3.476.518.504	-	4.560.516.595	8.037.035.099	8.037.035.099
Cộng	510.923.132.332	510.923.132.332	1.044.841.886.829	1.036.832.820.147	502.914.065.650	502.914.065.650

c) **Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

(*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

Bên cho vay	Số hợp đồng vay	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc tại ngày cuối năm		Phương thức đảm bảo
			USD	VND	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	LD1922500241	12 tháng		125.102.000.000	Thế chấp
	LD1922500241	12 tháng	1.060.300,00	24.482.327.000	Thế chấp
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	CVL.DN.1900.230620	12 tháng		13.987.000.000	Thế chấp
	CVL.DN.1900.230620	12 tháng	731.800,00	16.897.262.000	Thế chấp
	CVL.DN.1900.230620	12 tháng		1.997.000.000	Thế chấp
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	1606-LAV-202000201	6 tháng		6.461.803.000	Thế chấp
	1606-LAV-202000201	6 tháng	2.031.300,00	46.902.717.000	Thế chấp
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)	01/2020/1777831/HĐT	12 tháng		148.489.711.533	Thế chấp
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) (UOB)	UOB/HCMC/CASL/18202	12 tháng		10.245.000.000	Tin chấp
	UOB/HCMC/CASL/18202	12 tháng	480.109,33	11.085.724.430	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TP Bank)	48/2020/HDTD/BCH/01	12 tháng		4.967.126.756	Tin chấp
Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	2020-00058-000	6 tháng		10.500.000.000	Tin chấp
Cộng				421.117.671.719	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(**) Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn:

+ Chi tiết các khoản vay dài hạn:

Bên cho vay	Số hợp đồng vay	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc tại ngày cuối năm		Cộng VND	Phương thức đảm bảo
			Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	LD1511700300	120 tháng	3.200.040.000	11.466.410.000	14.666.450.000	Thế chấp
	LD1623700103	120 tháng	1.740.000.000	-	1.740.000.000	Thế chấp
	LD1623700088	60 tháng	4.530.000.000	22.650.000.000	27.180.000.000	Thế chấp
	LD1728500607	120 tháng	1.370.076.000	8.529.904.000	9.899.980.000	Thế chấp
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	LAV201500825	60 tháng	82.200.000	-	82.200.000	Thế chấp
	LAV201600721	120 tháng	4.700.000.000	23.500.000.000	28.200.000.000	Thế chấp
Cộng			15.622.316.000	66.146.314.000	81.768.630.000	

+ Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam để mua máy móc, thiết bị, xe ô tô. Chi tiết các khoản thuê như sau:

Số hợp đồng thuê	Thời hạn thuê	Số dư nợ gốc tại ngày cuối năm		
		Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND
2015-00191-001	60 tháng	616.425.222	-	616.425.222
2017-00028-001	60 tháng	3.395.518.672	2.350.743.678	5.746.262.350
2019-00016-001	48 tháng	270.887.024	499.202.302	770.089.326
2019-00057-001	48 tháng	277.481.191	626.572.524	904.053.715
Cộng		4.560.312.109	3.476.518.504	8.036.830.613

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	199.070.530.000	46.428.827.960	(10.100.000)	4.019.289.456	25.668.234.087	275.176.781.503
Tăng vốn trong năm trước	11.941.910.000				(11.941.910.000)	-
Lãi trong năm trước					24.830.699.260	24.830.699.260
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi					(489.598.312)	(489.598.312)
Trích quỹ đầu tư phát triển				489.598.312	(489.598.312)	-
Chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm 2018					(11.943.625.800)	(11.943.625.800)
Giảm khác					(734.397.467)	(734.397.467)
Số dư cuối năm trước	211.012.440.000	46.428.827.960	(10.100.000)	4.508.887.768	24.899.803.456	286.839.859.184
Số dư đầu năm nay	211.012.440.000	46.428.827.960	(10.100.000)	4.508.887.768	24.899.803.456	286.839.859.184
Tăng vốn trong năm nay	10.548.160.000				(10.548.160.000)	-
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	10.548.160.000				(10.548.160.000)	-
Lãi trong năm nay					19.598.623.061	19.598.623.061
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi					(502.409.687)	(502.409.687)
Trích quỹ đầu tư phát triển				502.409.687	(502.409.687)	-
Chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm 2019					(12.660.140.400)	(12.660.140.400)
Giảm khác					(753.614.530)	(753.614.530)
Số dư cuối năm nay	221.560.600.000	46.428.827.960	(10.100.000)	5.011.297.455	19.531.692.213	292.522.317.628

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	%	Số đầu năm VND	%
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	108.219.380.000	48,844	72.503.000.000	34,360
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần	21.091.230.000	9,519	21.091.230.000	9,995
Vốn góp của các cổ đông khác	92.249.990.000	41,637	117.418.210.000	55,645
Cộng	221.560.600.000	100	211.012.440.000	100



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	211.012.440.000	199.070.530.000
Vốn góp tăng trong năm	10.548.160.000	11.941.910.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	221.560.600.000	211.012.440.000
Cổ tức đã chia	23.208.300.400	23.885.535.800

d) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	22.156.060	21.101.244
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	22.156.060	21.101.244
- Cổ phiếu phổ thông	22.156.060	21.101.244
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	1.010	1.010
- Cổ phiếu phổ thông	1.010	1.010
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.155.050	21.100.234
- Cổ phiếu phổ thông	22.155.050	21.100.234
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
+ USD	5.179,69	203.495,69
+ EUR	194,87	205,79

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	1.071.836.862.447	1.127.416.895.900
Cộng	1.071.836.862.447	1.127.416.895.900

b) Doanh thu đối với các bên liên quan

Xem thuyết minh Báo cáo tài chính phần VIII.1

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chiết khấu thương mại	11.066.073	3.424.200
Hàng bán bị trả lại	23.574.742	215.884.399
Giảm giá hàng bán	716.127.480	114.975.000
Cộng	750.768.295	334.283.599

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần về bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	1.071.086.094.152	1.127.082.612.301
Cộng	1.071.086.094.152	1.127.082.612.301

4. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	969.879.977.728	1.035.528.634.745
Cộng	969.879.977.728	1.035.528.634.745

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	734.937.013	1.306.626.342
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	-	3.000.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.617.984.824	1.595.792.229
Cổ tức lợi nhuận được chia	137.992.044	-
Cộng	3.490.913.881	5.902.418.571

6. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	39.320.953.678	37.891.153.113
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.081.826.488	1.263.832.393
Cộng	41.402.780.166	39.154.985.506

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
a) Chi phí bán hàng	20.832.432.887	12.429.255.610
Chi phí nhân viên	5.582.564.333	5.899.223.293
Chi phí hoa hồng	7.309.989.710	329.210.319
Chi phí vận chuyển và bảo hiểm hàng hóa	6.136.219.016	3.446.920.284
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.803.659.828	2.753.901.714
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.540.590.373	15.235.894.256
Chi phí nhân viên quản lý	12.404.893.120	8.826.349.184
Chi phí khấu hao	321.081.099	312.291.239
Các khoản chi phí quản lý khác	5.814.616.154	6.097.253.833

8. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý tài sản	721.898.394	903.087.563
Thu nhập khác	437.348.796	142.945.123
Cộng	1.159.247.190	1.046.032.686

9. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp, truy thu thuế	454.769.016	713.710.038
Chi phí khác	8.115.938	13.944.676
Cộng	462.884.954	727.654.714

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thu nhập từ hoạt động chế biến trong thủy sản nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính. Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.617.589.115	30.954.638.727
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	1.022.997.450	1.289.078.878
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.160.989.494	1.289.078.878
- Các khoản điều chỉnh giảm	137.992.044	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	25.640.586.565	32.243.717.605
Trong đó:		
+ Lợi nhuận tính thuế 15%	2.183.025.174	6.496.081.081
+ Lợi nhuận tính thuế 20%	23.457.561.391	25.747.636.524
Trong đó: Lợi nhuận tính thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng BĐS	15.228.836.227	7.134.758.075
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.018.966.054	6.123.939.467

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	903.804.938.054	888.982.289.498
Chi phí nhân công	82.436.052.286	65.339.353.962
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.051.466.520	16.970.594.579
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.155.458.674	67.314.428.381
Chi phí khác bằng tiền	18.272.994.643	10.938.035.767
Cộng	1.055.720.910.177	1.049.544.702.187

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Trong năm, Công ty đã phát sinh các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, như sau:

	Năm nay
	VND
Tăng Vốn cổ phần - Chia cổ tức bằng cổ phiếu	10.548.160.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.608.034.164	2.949.181.293

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch VND
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	Bên liên quan	Doanh thu dịch vụ Chi khác	492.743.675 26.815.500
Công ty TNHH Ngư Nghiệp Hùng Hậu	Công ty con	Chi khác Nhận cổ tức	175.527.987 137.992.044

Cho đến ngày cuối năm, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu, (phải trả) VND
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	Bên liên quan	Phải trả người bán Phải thu khách hàng Phải trả khác	(56.601.145) 698.898.078 (4.000.000.000)
Công ty TNHH Ngư Nghiệp Hùng Hậu	Công ty con	Phải trả người bán Phải thu khác	(18.663.475.986) 137.992.044

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Xuất khẩu	270.187.356.136	277.277.868.067
Trong nước	800.898.738.016	849.804.744.234
Cộng	1.071.086.094.152	1.127.082.612.301

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất chế biến thủy sản nên không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 cũng yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Tổng cộng
Số cuối năm	578.147.361.401	81.477.607.504	659.624.968.905
Vay và nợ thuê tài chính	441.300.299.828	69.622.832.504	510.923.132.332
Phải trả cho người bán	130.715.209.090	-	130.715.209.090
Chi phí phải trả	43.956.008	-	43.956.008
Các khoản phải trả khác	6.087.896.475	11.854.775.000	17.942.671.475
Số đầu năm	536.152.138.184	120.690.747.599	656.842.885.783
Vay và nợ thuê tài chính	413.108.400.551	89.805.665.099	502.914.065.650
Phải trả cho người bán	120.692.329.272	19.030.307.500	139.722.636.772
Chi phí phải trả	99.234.019	-	99.234.019
Các khoản phải trả khác	2.252.174.342	11.854.775.000	14.106.949.342

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không có. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 đã được kiểm toán.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, Công ty không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục.

Người lập biểu / Kế toán trưởng



Phạm Thị Bích Như

Ngày 7 tháng 12 năm 2020



Từ Thanh Phụng



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01.2021/TTr-ĐHĐCĐ

TP. HCM, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CPNN Hùng Hậu
Năm tài chính 2021**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu,
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 của Công ty CPNN Hùng Hậu.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020:

STT	Chi tiêu	Đơn vị	Số tiền
A	Nguồn	Đồng	18.940.303.428
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2020	Đồng	18.694.823.882
2	Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm 2020	Đồng	245.479.546
B	Phân phối	Đồng	13.761.006.597
3	Thù lao HĐQT, BKS (2,5% lợi nhuận sau thuế năm 2020)	Đồng	467.370.597
4	Cổ tức năm 2020 chi bằng tiền mặt 6%/ mệnh giá	Đồng	13.293.636.000
C	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2021	Đồng	5.179.296.831

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.



PHẠM THỊ MINH NGUYỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 1280



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02.2021/TTr-ĐHĐCĐ

TP. HCM, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn công ty kiểm toán năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CPNN Hùng Hậu
Năm tài chính 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu;
- Căn cứ vào danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán được công bố trên cổng thông tin điện tử của Bộ tài chính (www.mof.gov.vn);
- Theo đề nghị của tiểu ban kiểm soát và được sự thống nhất của HĐQT,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua nội dung sau:

Giao Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán sau đây để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam; Công ty TNHH DV Tư Vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AASCN); Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt (Vietland); Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Trong trường hợp không đàm phán được với 04 Công ty trên, Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán khác nằm trong danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.



PHẠM THỊ MINH NGUYỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 1280



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03.2021/TTr-ĐHĐCĐ

TP. HCM, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Thù lao Hội đồng quản trị và Thư ký HĐQT năm 2021

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CPNN Hùng Hậu
Năm tài chính 2021**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua nội dung sau:

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thư ký HĐQT năm 2021 là 3% lợi nhuận sau thuế.
- Thuế thu nhập cá nhân phát sinh, cá nhân tự đóng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



PHẠM THỊ MINH NGUYỆT



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04.2021/TTr-ĐHĐCĐ

TP. HCM, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CPNN Hùng Hậu
Năm tài chính 2021**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu,

Để phục vụ nhu cầu kinh doanh, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua để xuất về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu như sau:

- Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung các nội dung cụ thể Điều lệ Công ty theo Phụ lục đính kèm.
- Đại hội đồng cổ đông thông qua việc giao cho Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện các công việc có liên quan, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



PHẠM THỊ MINH NGUYỆT



NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HỤI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG THAY ĐỔI THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2020	CĂN CỨ PHÁP LÝ
1.	<p>Khoản 3, Điều 11</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Để cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24 Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d. Yêu cầu Hội đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa</p>	<p>Khoản 3, Điều 11</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Để cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24 Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d. Yêu cầu Hội đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số sổ Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 2 và Khoản 5 Điều 115 LDN2020</p>



STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG THAY ĐỔI THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2020	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>chi thường trú, quốc tịch, số số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.</p>	<p>minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.</p>	
2.	<p>Điều 12</p> <p>Cổ đông có nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p> <p>2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:</p>	<p>Điều 12</p> <p>Cổ đông có nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p> <p>2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:</p>	



STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG THAY ĐỔI THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2020	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>a. Tham dự và biểu quyết/ bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết/ bầu cử tại cuộc họp;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết/ bầu cử thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết/ bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;</p> <p>4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;</p> <p>5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p>	<p>a. Tham dự và biểu quyết/ bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết/ bầu cử tại cuộc họp;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết/ bầu cử thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết/ bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;</p> <p>4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;</p> <p>5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p>	

Chuan



STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG THAY ĐỔI THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2020	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.</p>	<p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.</p> <p>7. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chi sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p>	<p><i>Bổ sung theo khoản 5 Điều 119 LDN 2020.</i></p>
3.	<p>Khoản 2, Điều 14</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;</p>	<p>Khoản 2, Điều 14</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;</p>	



STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG THAY ĐỔI THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2020	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>l. Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35%</p>	<p>e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>l. Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất của Công ty;</p>	



STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG THAY ĐỔI THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2020	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất của Công ty;</p> <p>m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;</p> <p>n. Công ty ký kết hợp đồng giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>o. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật;</p>	<p>m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;</p> <p>n. Công ty ký kết hợp đồng giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>o. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>p. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>r. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</p> <p>s. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật;</p>	<p><i>Bổ sung theo khoản 2 Điều 138 LDN 2020.</i></p>



STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG THAY ĐỔI THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2020	CĂN CỨ PHÁP LÝ
4.	<p>Khoản 4, Điều 19</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>Khoản 4, Điều 19</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p><i>Bổ sung theo điểm a khoản 2 Điều 146 LDN 2020.</i></p>
5.	<p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng</p>	<p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết</p>	



STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG THAY ĐỔI THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2020	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:</p> <p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p> <p>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>e. Tổ chức lại, giải thể công ty.</p> <p>2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.</p> <p>3. Trong trường hợp số ứng viên lớn hơn số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với</p>	<p>tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:</p> <p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p> <p>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>e. Tổ chức lại, giải thể công ty.</p> <p>2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc ít nhất 50% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.</p> <p>3. Trong trường hợp số ứng viên lớn hơn số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản</p>	<p><i>Điều chỉnh theo khoản 2 và khoản 4 Điều 148 LDN 2020.</i></p>



STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG THAY ĐỔI THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2020	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử. Trong trường hợp số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết thực hiện theo khoản 2 điều này.</p>	<p>trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử. Trong trường hợp số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết thực hiện theo khoản 2 điều này.</p> <p>4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 5 Điều 148 LDN 2020.</p>



STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG THAY ĐỔI THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2020	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	<i>Bổ sung theo khoản 6 Điều 148 LDN 2020.</i>
6.	Khoản 1, Điều 22 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp; d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;	Khoản 1, Điều 22 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp; d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;	<i>Điều chỉnh theo điểm i khoản 1 Điều 150 LDN 2020.</i>



STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG THAY ĐỔI THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2020	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu tương ứng;</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên;</p> <p>i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>j. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p>	<p>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu tương ứng;</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên;</p> <p>i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>j. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p>	



STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG THAY ĐỔI THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2020	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.	
7.	Khoản 1, Điều 24 1. Số thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.	Khoản 1, Điều 24 1. Số thành viên Hội đồng quản trị là 06 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.	<i>Điều chỉnh theo Tờ trình trình ĐHĐCĐ 2021</i>
8.	Không có	Điều 31 Tổng giám đốc không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ; ...	<i>Bổ sung điểm b khoản 5 Điều 162 LDN 2020.</i>





**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05.2021/TTr-ĐHĐCĐ

TP. HCM, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 và thực hiện bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2020-2025

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CPNN Hùng Hậu
Năm tài chính 2021**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu;

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc đề xuất phương án bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025 với nội dung như sau:

- 1. Thông qua số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 là 06 (sáu) thành viên và thực hiện bầu cử bổ sung 01 (một) thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025.**
- 2. Điều kiện để cử, ứng cử:**

Cổ đông/nhóm cổ đông đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, thực hiện đúng thông báo của Hội đồng quản trị về việc hướng dẫn nộp hồ sơ ứng cử, để cử ứng viên tham gia Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 - 2025 có quyền tự ứng cử hoặc để cử thành viên Hội đồng quản trị để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2021 bầu tại Đại hội.

- 3. Ủy quyền Hội đồng quản trị:**

Ủy quyền Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật hiện hành. Trên đây là phương án bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025 do Hội đồng quản trị đề xuất. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.



PHẠM THỊ MINH NGUYỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 1280



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06.2021/TTr-ĐHĐCĐ

TP. HCM, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TỜ TRÌNH

Ứng viên thành viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung nhiệm kỳ 2020-2025

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CPNN Hùng Hậu**
Năm tài chính 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu;
- Căn cứ Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu,

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua bầu cử bổ sung ứng viên thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025 với nội dung như sau:

1. Thông qua bầu cử bổ sung ứng viên thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu nhiệm kỳ 2020 – 2025, cụ thể:

❖ **Ông Tống Văn Tùng:**

- Năm sinh: 1982
 - Nơi sinh: Đồng Tháp
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Thẻ căn cước công dân số: 340959690 Cấp ngày 11/09/2013
 - Nơi cấp: Công an tỉnh Đồng Tháp
 - Địa chỉ tạm trú: 951 CMT8, phường 7, quận Tân Bình, TpHCM
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh.
 - Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu.
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện thay đổi Điều lệ (Điều khoản về số lượng thành viên Hội đồng quản trị) của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 3974 1135 - Fax: (08) 3974 1280



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho các ứng viên vào Hội đồng quản trị)

Họ và tên : Tổng Văn Tùng Chức vụ hiện tại : Phó TGD
Ứng cử viên : Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: Tổng Văn Tùng
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 1982
Nơi sinh: Hồng Ngự, Đồng Tháp.
CMND: 340959690, ngày cấp 11/09/2013, nơi cấp: CA. Đồng Tháp
Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: Khóm Sờ Thượng, Phường An Lạc, Tx Hồng Ngự, Đồng Tháp.
Số ĐT liên lạc: 0939100101
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:
+ Từ 2002 đến 2008 kinh doanh tự do.
+ Từ 07/2008 đến 12/2012 Học đại học chuyên ngành quản trị kinh doanh tại Trường Đại Học Văn Hiến.
+ Từ 01/2013 đến 02/2014 Nhân viên phòng TCKT tại Cty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu.
+ Từ tháng 03/2014 đến 08/2015 TGD Cty Cổ phần Thủy sản Số 9.
+ Từ 09/2015 đến 10/2016 Phó phòng Cung Ứng tại Cty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu.
+ Từ 11/2016 đến 04/2017 Giám đốc Cty TNHH Nha Môn
+ Từ 05/2017 đến 04/2018 Giám đốc Cty TNHH Ngự Nghiệp Hùng Hậu.
+ Từ 05/2018 đến nay Phó tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Hùng Hậu.
Các chức vụ công tác hiện nay tại Phó Tổng giám đốc
tổ chức niêm yết:
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại Giám đốc Công ty TNHH An Hào
tổ chức khác:
Các lợi ích liên quan đến Tổng Không
Công ty (nếu có)
Số CP nắm giữ (tại thời điểm 1.297 cổ phần, chiếm 0,006% vốn điều lệ
25/12/2019):
+ *Đại diện sở hữu:* 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ *Cá nhân sở hữu:* 1.297 cổ phần, chiếm 0,006% vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ (nếu có)
Những người liên quan có nắm 1- Mẹ: Nguyễn Thị Nghiệp nắm giữ: 0 CP, chiếm 0 %
giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: vốn điều lệ.

- 2- Vợ: Bùi Thị Mỹ Vân nắm giữ:0 CP, chiếm 0 % vốn điều lệ.
- 3- Chị: Tống Thị Kim Loan nắm giữ:0 CP, chiếm 0 % vốn điều lệ
- 4- Chị: Tống Thị Kim Nga nắm giữ:0 CP, chiếm 0 % vốn điều lệ
- 5- Anh: Tống Văn Lâm nắm giữ:0 CP, chiếm 0 % vốn điều lệ
- 6- Em: Tống Minh Khương nắm giữ:0 CP, chiếm 0 % vốn điều lệ
- 7- Em: Tống Thị Thúy An Em nắm giữ:0 CP, chiếm 0 % vốn điều lệ

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Thành viên Hội đồng Quản trị.

TP. HCM, ngày 15 tháng 12 năm 2020

Người khai ký tên, ghi rõ họ tên



Tống Văn Tùng



GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ BỔ SUNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2020 – 2025

(áp dụng cho cổ đông)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu

Họ tên cổ đông:

CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu/GĐKKD số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Người đại diện theo pháp luật (nếu có):

Số lượng cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021):..... cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:(đồng)

Số lượng cổ phần sở hữu liên tục 06 tháng (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021):..... cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:(đồng)

Đề nghị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu cho tôi đề cử bổ sung:

1. Ông/Bà:

CMND/Hộ chiếu số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu: (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:(đồng)

2. Ông/Bà:

CMND/Hộ chiếu số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu: (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:(đồng)

3.

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu nhiệm kỳ 2020 – 2025.

Xin trân trọng cảm ơn!

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 1280



Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/ Thẻ căn cước/ Hộ chiếu/ Hộ khẩu thường trú.
- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên.
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn *(nếu có)*
- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.

....., ngày..... tháng năm 2020

Người đề cử

(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ BỔ SUNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2020 – 2025**

(áp dụng cho nhóm cổ đông)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu

Người đại diện nhóm cổ đông:

CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu/GĐKKD số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

(đính kèm danh sách nhóm cổ đông)

Số lượng cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021) của nhóm cổ đông: cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:(đồng)

Số lượng cổ phần sở hữu liên tục 06 tháng (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021) của nhóm cổ đông:..... cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:(đồng)

Đề nghị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu cho tôi đề cử bổ sung:

1. Ông/Bà:

CMND/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu: (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:(đồng)

2. Ông/Bà:

CMND/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu: (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:(đồng)

3.....

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu nhiệm kỳ 2020 – 2025.

Xin trân trọng cảm ơn!

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 1280



Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/ Hộ chiếu/ Hộ khẩu thường trú.
- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên.
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn *(nếu có)*
- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.

....., ngày..... tháng năm 2020

Người đại diện nhóm cổ đông đề cử

(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH NHÓM CỔ ĐÔNG ĐÍNH KÈM
GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ CỦA NHÓM CỔ ĐÔNG**

STT	Họ và tên	CMND/ ĐKKD	Địa chỉ thường trú	Số lượng cổ phần sở hữu liên tục 06 tháng (tính đến ngày chốt DS)	Chữ ký cổ đông/ chữ ký đóng dấu nếu là tổ chức
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
....					
....					
.....					
.....					
Tổng cộng					

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 1280



**GIẤY ĐỀ NGHỊ TỰ ĐỀ CỬ BỔ SUNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2020 – 2025**

Kính gửi: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu

Tôi tên là:

CMND/Hộ chiếu/ĐKKD số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:.....

Số lượng cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021):..... cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:(đồng)

Số lượng cổ phần sở hữu liên tục 06 tháng (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021):

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:(đồng)

Đề nghị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu cho tôi được tự đề cử bổ sung vào Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu nhiệm kỳ 2020 – 2025.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/ Thẻ căn cước/ Hộ chiếu/ Hộ khẩu thường trú.
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên.
- Bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn
- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.

....., ngày..... tháng ...năm 2020

Người tự đề cử

(ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-000-

GIẤY XÁC NHẬN TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN

V/v: xác nhận sở hữu cổ phần

Kính gửi: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu

Cổ đông:

CMND/CCCD/Hộ chiếu/CNĐKDN số: ... Ngày cấp: ... Nơi cấp: ...

Người đại diện theo pháp luật: ...

Hiện đang sở hữu: ...

Mã chứng khoán: SJ1

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ...

Từ ngày: .../.../... đến ngày .../.../... (Từ ngày đến ngày).

Đề nghị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu xác nhận giúp chúng tôi các thông tin như trên.

Xin trân trọng cảm ơn.

....., ngày..... thángnăm 2020

Cổ đông

(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-o0o-

GIẤY ĐỀ NGHỊ

V/v: *Xác nhận sở hữu cổ phần*

Kính gửi: Công ty Cổ phần Chứng khoán

Họ tên chủ tài khoản:.....

CMND/Hộ chiếu/GĐKKD số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Người đại diện theo pháp luật (nếu có):.....

Tài khoản số:.....

Hiện đang sở hữu:.....cổ phần

Mã chứng khoán:.....

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

Từ ngày:..... đến ngày.....

Đề nghị Công ty cổ phần xác nhận giúp tôi/ chúng tôi các thông tin như trên.

Xin trân trọng cảm ơn.

....., ngày tháng năm 2020

Chủ tài khoản

(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho các ứng viên vào Hội đồng quản trị)

Họ và tên :

Chức vụ hiện tại :

Ứng cử viên : Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên:

Giới tính:

Ngày tháng năm sinh:

Nơi sinh:

CMND:

-----, ngày cấp -----, nơi cấp: -----

Quốc tịch:

Địa chỉ thường trú:

Số ĐT liên lạc:

Trình độ chuyên môn:

Quá trình công tác: + Từ ... đến...

Các chức vụ công tác hiện nay tại
tổ chức niêm yết:

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại
tổ chức khác:

Các lợi ích liên quan đến Tổng

Công ty (nếu có)

Số CP nắm giữ (tại thời điểm

..... cổ phần, chiếm % vốn điều lệ

.....):

+ Đại diện sở hữu:

..... cổ phần, chiếm % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu:

..... cổ phần, chiếm % vốn điều lệ

Các cam kết nắm giữ (nếu có)

Những người liên quan có nắm

1- Mỗi quan hệ: ... Tên cá nhân/tổ chức: ... năm

giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

giữ: CP, chiếm% vốn điều lệ

2- Mỗi quan hệ: ..., Tên cá nhân/tổ chức:năm

giữ: CP, chiếm% vốn điều lệ

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên.

....., ngày tháng năm 2020

Người khai ký tên, ghi rõ họ tên